



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG TY CP QUỐC TẾ SON HÀ

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

Số: ~~48~~.../2016/CV-SHI
"Công bố Báo cáo Thường niên 2015"

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty CP Quốc tế Sơn Hà

Mã chứng khoán: SHI

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84-4-62656566

Fax: 84-4-62656588

Người thực hiện công bố thông tin: Đàm Quang Hùng

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84-4-62656566

Fax: 84-4-62656588

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

- Công ty CP Quốc tế Sơn Hà công bố Báo cáo Thường niên 2015.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/04/2016 tại đường dẫn www.sonha.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu HCNS.

Người thực hiện công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đàm Quang Hùng

(*): - Đối với công bố thông tin Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh /Giấy phép thành lập và hoạt động/...; Điều lệ; Quy chế Quản trị Công ty có thay đổi/điều chỉnh, cần nêu rõ nội dung các thay đổi/điều chỉnh so với lần công bố thông tin trước;

- Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố, cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế.



VƯỢT SÓNG
VƯỜN XA
2015
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

ĐC: Lô 2, CN 1 Khu công nghiệp Từ Liêm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84-4-62656566 Fax: +84-4-62656588

Email: support@sonha.com.vn

Website: sonha.com.vn

VƯỢT SÓNG **VƯỜN XA** **2015**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

THƯƠNG HIỆU CỦA TINH THẦN MỞ ĐƯỜNG TỔNG QUAN VỀ SƠN HÀ

- Thông điệp của HĐQT
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh
- Mô hình quản trị
- Định hướng chiến lược
- Sơ đồ tổ chức

VƯỢT SÓNG DẪN ĐẦU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Các sản phẩm tiêu biểu
- Các sự kiện nổi bật
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động kinh doanh năm 2015
- Đánh giá của Ban giám đốc về hoạt động kinh doanh 2015

VƯƠN LÊN TỪ THÁCH THỨC BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Hoạt động của HĐQT
- Hoạt động của BKS
- Hoạt động quản trị rủi ro
- Thẩm định BCTC năm 2015

VƯƠN TẦM CÙNG TRÁCH NHIỆM

- Định hướng phát triển
- Văn hóa doanh nghiệp
- Đồng hành cùng sự phát triển xã hội
- Năng lượng bền vững

SỨC MẠNH VƯƠN XA

- Báo cáo của HĐQT
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015
- Báo cáo chuyển lưu tiền tệ hợp nhất năm 2015
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015

“Với báo cáo tổng kết năm này, tôi tin rằng, niềm tin của quý vị dành cho Sơn Hà sẽ càng được củng cố, cũng như chặng đường hợp tác của chúng ta sẽ càng gắn bó khăng khít hơn”.

Chủ tịch HĐQT Lê Vinh Sơn



TỔNG QUAN VỀ SƠN HÀ

Thông điệp của HĐQT
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh
Mô hình quản trị
Định hướng chiến lược
Sơ đồ tổ chức



THƯ NGỎ TỪ BAN LÃNH ĐẠO

Thông điệp của HĐQT

Tính đến năm 2015, thương hiệu Sơn Hà đã là người bạn thân thiết, đồng hành cùng cuộc sống người Việt được 18 năm. Từ một doanh nghiệp kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực cơ khí, Sơn Hà luôn không ngừng hoàn thiện và vượt qua mọi sóng gió của những đợt khủng hoảng kinh tế diện rộng, khẳng định vị thế của một thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp thiết bị vệ sinh dân dụng. Đến nay, chính nhờ tinh thần tích cực, xông xáo khai phá những thị trường mới, Sơn Hà không chỉ vươn ra ngoài thị trường kim loại đúc sẵn, mà còn tự hào mang đến cho người dùng những sản phẩm đa dạng hơn về vật liệu, đẹp hơn về mẫu mã, tốt hơn về chất lượng, thân thiện hơn về tính năng. Đó là kết quả của một tầm nhìn xuyên suốt và quyết tâm mạnh mẽ, nhất quán mà Sơn Hà kiên tâm giữ vững, kết hợp với sự chỉ đạo linh hoạt, phù hợp với từng điều kiện, biến đổi của xã hội.

Từ năm 2009, Sơn Hà đã trở thành công ty đại chúng, chính thức niêm yết 15 triệu cổ phiếu tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, với vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ đồng. Chỉ trong vòng 5 năm, đến năm 2014, công ty đã tăng vốn điều lệ lên 367 tỷ đồng, phát triển mạng lưới nhanh chóng với hơn 20 chi nhánh được thành lập. Năm 2015 vừa qua, chúng kiến một nhịp tăng trưởng thăng hoa của Sơn Hà, với mạng lưới chi nhánh mở rộng lên hơn 44 chi nhánh, tăng vốn điều lệ lên 547 tỷ đồng. Đây cũng là thời điểm sung sức, tràn đầy năng lượng và những kế hoạch táo bạo mà Sơn Hà muốn được chia sẻ cùng quý đối tác và khách hàng. Để thành công không chỉ là điểm rơi ngẫu nhiên mà luôn đạt phong độ ổn định, ban quản trị của Sơn Hà luôn tự xác định vị trí của mình trên thương trường, bằng cách thẳng thắn nhìn vào những được và mất, một cách toàn diện, trên mọi hoạt động của mọi bộ phận.

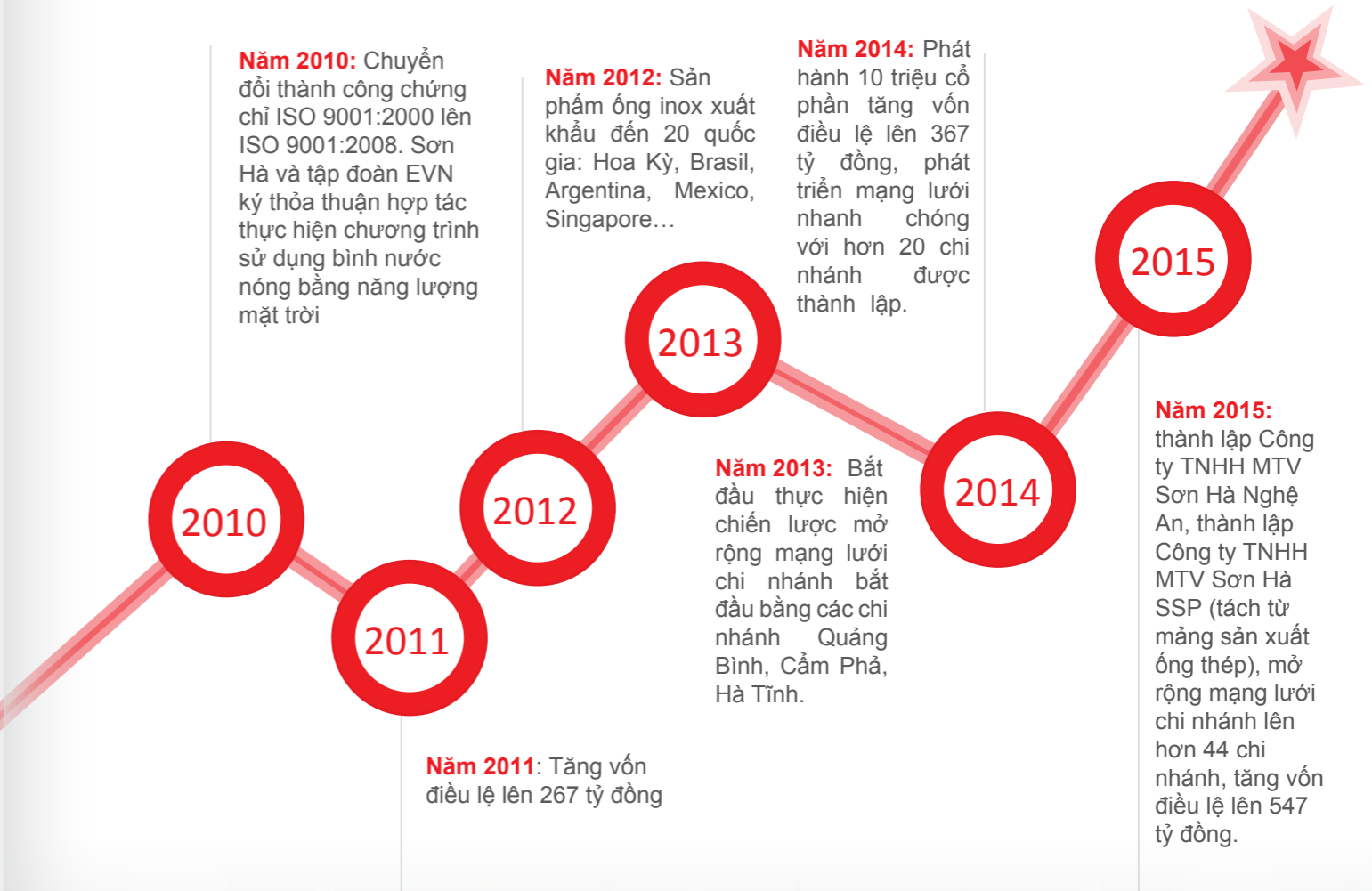
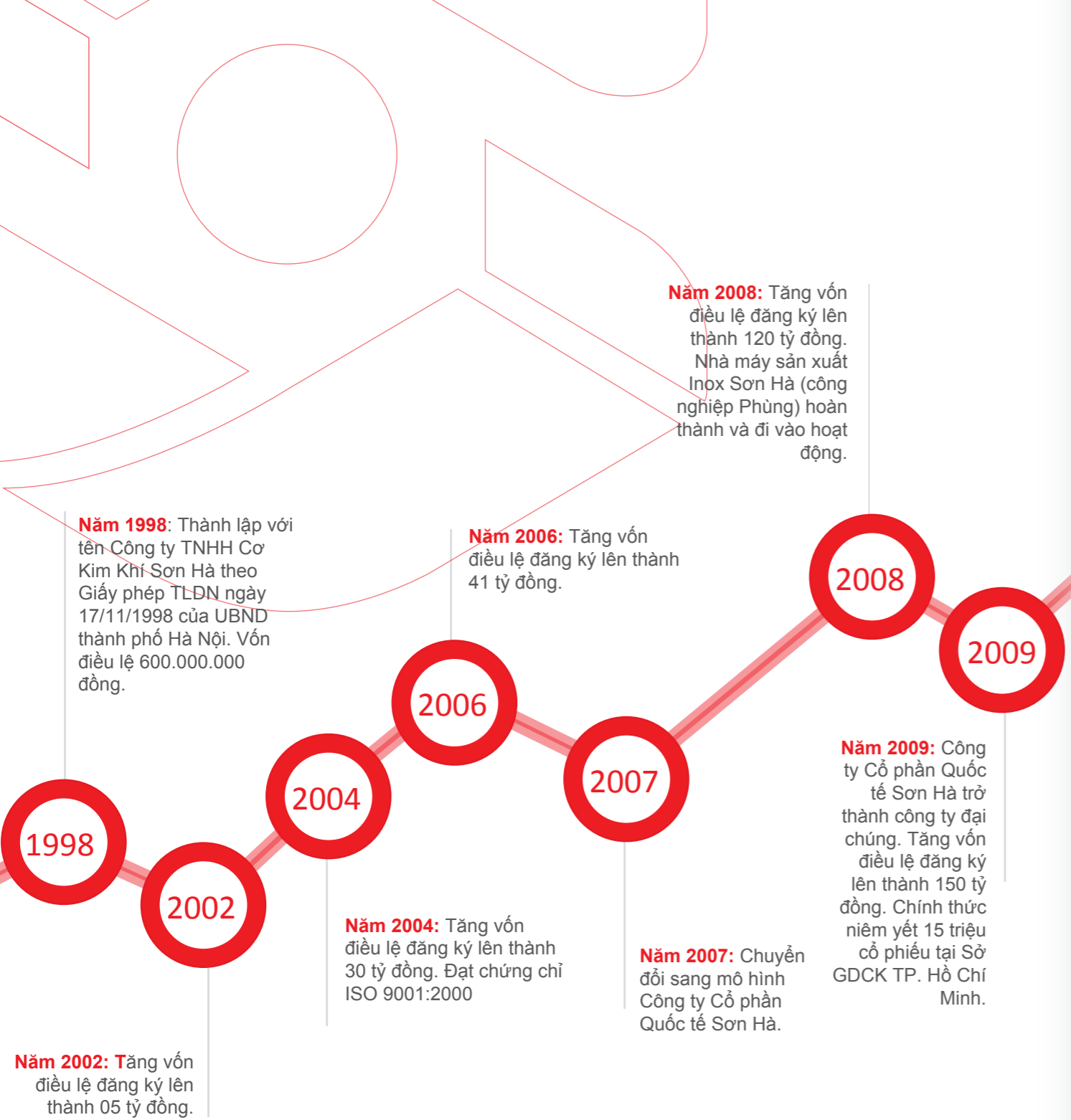
Hơn ai hết, chúng tôi hiểu rằng, không thể tồn tại nếu không quyết liệt với chính mình, không thể tạo ra một sản phẩm khiến thị trường hài lòng nếu không khắt khe trong mọi khâu sản xuất. Chính vì lẽ đó, Sơn Hà mới có thể đi qua mọi thăng trầm một cách chắc chắn, ngày càng được người tiêu dùng trong nước đón nhận tích cực cũng như xuất khẩu ra những thị trường lớn và khó tính như Mỹ, Brasil, Singapore, Argentina...

Chặng đường vươn tầm quốc tế của các thương hiệu Việt còn quá nhiều gian nan và thách thức, nhưng với quyết tâm và những hành động cụ thể, đường lối chiến lược rõ ràng, chúng tôi tin rằng, Sơn Hà nói riêng và các doanh nghiệp của chúng ta nói chung, có cả một chân trời rộng mở để thỏa sức tung bay.

Nhìn lại một năm 2015 đầy tự hào và hướng đến những năm tiếp theo còn rất nhiều thời cơ đón đợi, qua báo cáo thường niên này, tôi thay mặt toàn thể cán bộ và nhân viên của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà, gửi đến quý đối tác và quý khách hàng những lời cảm ơn chân thành nhất vì đã luôn sát cánh ủng hộ chúng tôi. Với báo cáo tổng kết năm này, tôi tin rằng, niềm tin của quý vị dành cho Sơn Hà sẽ càng được củng cố, cũng như chặng đường hợp tác của chúng ta sẽ càng gắn bó khăng khít hơn. Đây cũng là động lực để tập thể Sơn Hà tiếp tục cố gắng cho sự phát triển và thịnh vượng chung của Công ty. Một lần nữa, tôi gửi tới quý đối tác, quý khách hàng cùng toàn thể những thành viên của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà những lời chúc tốt đẹp, luôn tràn đầy năng lượng và thành công.

Trân trọng
Lê Vĩnh Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH

Tập đoàn Sơn Hà hiện đang là thương hiệu mạnh trên thị trường Việt Nam và Quốc tế về các sản phẩm trong lĩnh vực kim khí Gia dụng và Công nghiệp. Bên cạnh đó, Sơn Hà cũng là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm được sản xuất từ vật liệu composite, các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió... Các sản phẩm chủ chốt của Sơn Hà bao gồm Bồn nước inox Sơn Hà, Máy nước nóng năng lượng mặt trời Thái Dương Năng, Bồn nước nhựa Sơn Hà, Chậu rửa inox Sơn Hà, Ống inox trang trí và công nghiệp, Bồn nhựa lắp ghép Sơn Hà – BK,...

Trải qua gần hai thập kỷ không ngừng làm mới mình, hiện nay, Tập đoàn Sơn Hà hoạt động chủ yếu trên những lĩnh vực:

Sản xuất các sản phẩm công nghiệp

Sơn Hà là một trong những thương hiệu sản xuất sản phẩm inox công nghiệp hàng đầu Việt Nam với hàng trăm đối tác nước ngoài tại hơn 20 quốc gia trên thế giới như Mỹ, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Argentina, Mexico... Sản phẩm kim khí của Sơn Hà luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các đơn vị sản xuất tại thị trường trong và ngoài nước. Sơn Hà hiện là đơn vị duy nhất tại Việt Nam được Tổ chức chứng nhận quốc tế uy tín TUV chứng chỉ PED – một chứng chỉ quan trọng giúp Sơn Hà có thể xuất khẩu ống thép không gỉ vào các thị trường khắt khe như Châu Âu và Mỹ.

Sản xuất các sản phẩm gia dụng

Luôn tìm hướng đi mới, trần trở với sứ mệnh nâng tầm chất lượng sống, tập đoàn Sơn Hà đã đầu tư mạnh về trang thiết bị kỹ thuật và nguồn nhân lực để phát triển lĩnh vực sản phẩm gia dụng chuyên dùng cho nhà bếp. Thiết bị lọc nước R.O, bồn nước, chậu rửa, máy nước nóng năng lượng mặt trời... là những sản phẩm thiết yếu cho một cuộc sống an toàn và tiện nghi của mọi gia đình Việt. Nhiều năm liền Sơn Hà được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao”, toàn bộ sản phẩm của Sơn Hà đạt tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2008.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Mô hình quản trị theo mô hình công ty cổ phần gồm có Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ). ĐHĐCĐ bầu ra Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS). HĐQT sẽ bầu một thành viên giữ chức danh Chủ tịch HĐQT, cử một thành viên đảm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và bổ nhiệm các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD). Đồng thời, HĐQT cử 2 thành viên độc lập phụ trách các hoạt động về nhân sự, lương thưởng. Chức năng và quyền hạn các bộ phận như sau:



Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng Quản trị

HĐQT Công ty gồm 06 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC SON HÀ

Định vị thương hiệu:

Từ một thương hiệu gắn liền với các sản phẩm cơ khí, cho đến nay, Sơn Hà đã mở rộng ngành nghề kinh doanh bao gồm hệ thống thiết bị và phụ kiện gia dụng chuyên dùng trong nhà tắm, nhà bếp, hệ thống cấp – thoát nước, sản xuất – cung cấp các sản phẩm từ vật liệu composite... Những bước đi này là sự phát triển tuần tự của định hướng phát triển trở thành một tập đoàn đa ngành, vững vàng tiến vào hàng ngũ top 50 doanh nghiệp mạnh toàn quốc mà ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã đề ra. Về phát triển tầm xa, Sơn Hà định vị mình là một thương hiệu hiện diện sâu rộng trong mọi mặt đời sống của người Việt Nam.

Định hướng sản phẩm:

Chỉ sản xuất những sản phẩm đạt chuẩn, phục vụ tốt nhất cho đời sống, mang lại sự hài lòng cao nhất cho người sử dụng, góp phần kiến tạo một cuộc sống tiện nghi hơn, chính là sứ mệnh mà Sơn Hà luôn đặt ra cho mình.

Giá trị cốt lõi:

«Con người năng lượng, Tinh thần mở đường, Không ngừng vươn lên» chính là những giá trị cơ bản và cốt yếu để tạo nên sức mạnh của Công ty Cổ phần Sơn Hà. Trách nhiệm với công việc, với sản phẩm, với niềm tự hào khi tạo ra những giá trị hữu ích, thiết thực luôn được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu, là kim chỉ nam để đánh giá sự phát triển của từng cá nhân trong nhịp phát triển chung của cả tổ chức.

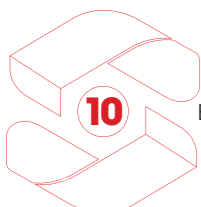
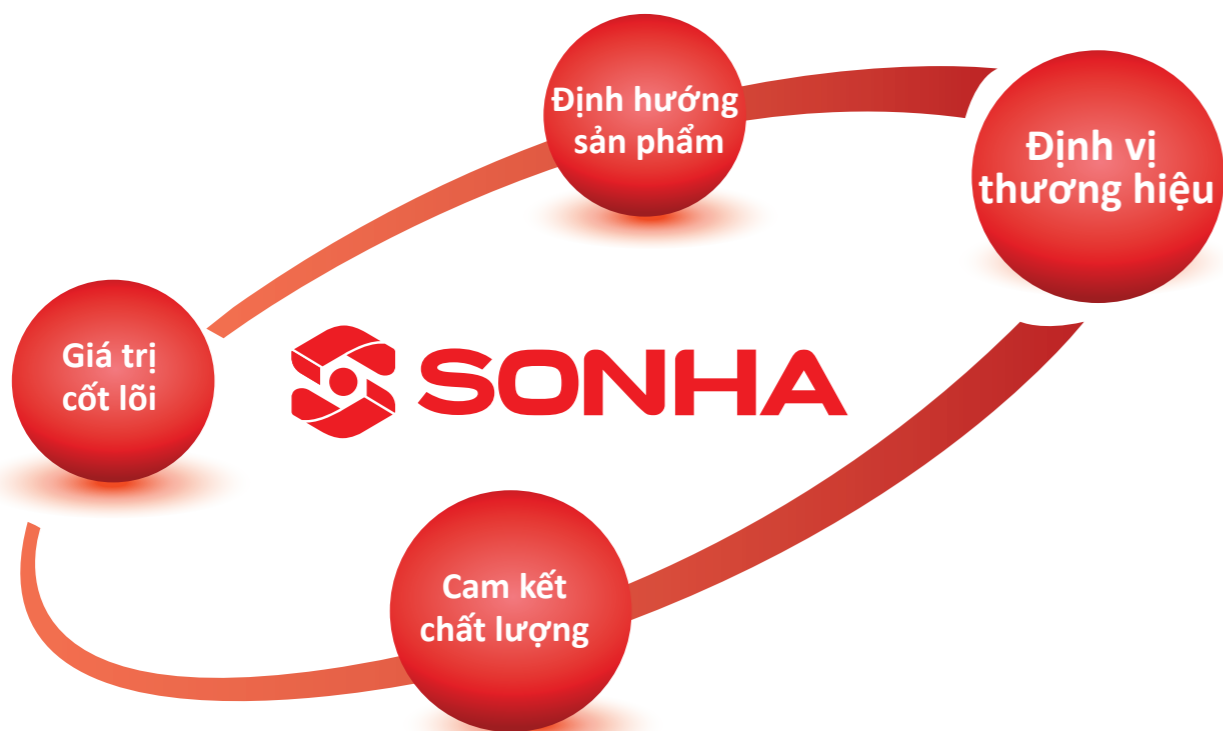
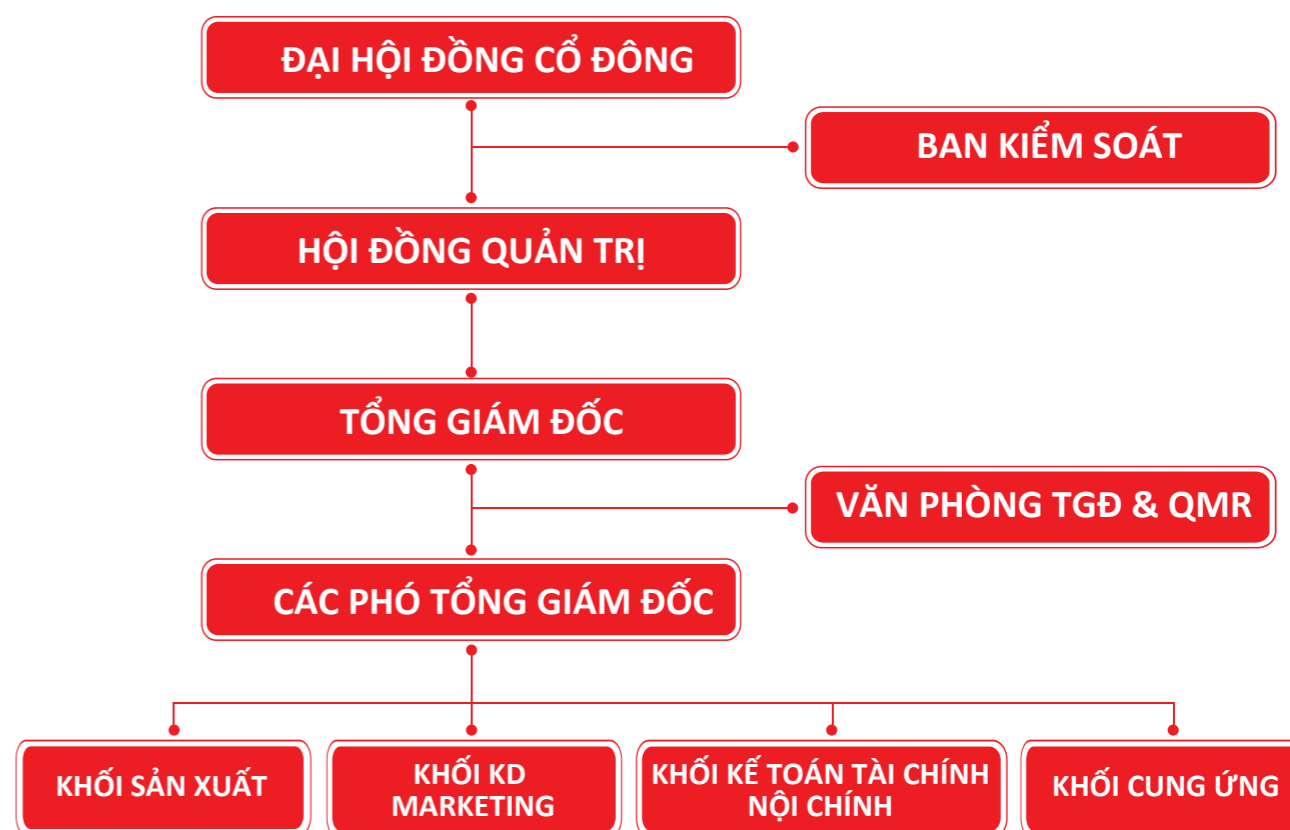
Cam kết chất lượng:

Với quy mô hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sơn Hà cam kết tạo ra một môi trường làm việc đạt chuẩn quốc tế.

Với thiết bị kỹ thuật, Sơn Hà cam kết luôn đầu tư những công nghệ tiên tiến nhất, đủ sức đáp ứng yêu cầu cả về lượng và chất của thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

Về bảo vệ tính bền vững của môi trường, Sơn Hà cam kết tuân thủ mọi quy định, chế tài về xử lý rác thải và bảo vệ môi trường.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





Các sản phẩm tiêu biểu

Các sự kiện nổi bật

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

Đánh giá của HĐQT về hoạt động kinh doanh năm 2015

Đánh giá của Ban giám đốc về hoạt động kinh doanh 2015

Năm 2015 đánh dấu kết quả vượt bậc trong việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận, đạt 80,3 tỷ đồng, vượt 23,5% so với mức kế hoạch 65 tỷ đồng và bằng 224% so với thực hiện 35,8 tỷ năm 2014. Doanh thu đạt 92% so với mức kế hoạch là 2.400 tỷ đồng.

Doanh thu thuần: 2.217.158.087.373 VND

Lợi nhuận Hợp nhất sau thuế: 80.275.177.353 VND

Tổng tài sản: 1.785.945.859.932 VND

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Hàng Gia dụng

Bồn nước inox

Được làm từ thép không gỉ inox SUS 304 siêu bền, nhập khẩu từ Hàn Quốc. Sử dụng công nghệ hàn lăn tự động, đảm bảo đường hàn đẹp, sản phẩm chắc chắn, độ bền cao. Thân lốc 5 gân kép trên khổ tiêu chuẩn, tăng độ cứng vững. Tai khóa nắp bồn sử dụng chốt cài tiện dụng. Sản phẩm được sử dụng chủ yếu cho các hộ gia đình.



Tấm năng lượng Thái Dương Năng

Hệ thống hoạt động theo nguyên lý đối lưu nhiệt tự nhiên, tận dụng khả năng hấp thụ cao năng lượng mặt trời của các ống hấp thụ nhiệt chân không. Lớp phủ có độ trong suốt thấp chuyển bức xạ mặt trời thành nhiệt năng. Với ruột bình bảo ôn tráng men Titan, độ bền lên tới 50 năm thách thức mọi nguồn nước.

- + Thân thiện với môi trường
- + An toàn khi sử dụng
- + Tiết kiệm điện năng 100%



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Chậu rửa inox

Sản phẩm được thiết kế tinh xảo, kiểu dáng sang trọng, bề mặt sáng bóng, chi tiết mượt mà. Chất liệu inox tạo ra sự khỏe khoắn, chắc chắn và bền đẹp, nhiều lựa chọn phù hợp với nhu cầu sử dụng. Phụ kiện đồng bộ thuận tiện cho việc lắp đặt và bảo trì. Bộ vít gá dưới đáy chậu đảm bảo sự chắc chắn, an toàn, đảm bảo yên tâm khi sử dụng.



Máy lọc nước R.O

Máy lọc nước R.O của Tập đoàn Sơn Hà ứng dụng công nghệ Mỹ để sản xuất:

- + Tạo nước tinh khiết tức thời đạt tiêu chuẩn nước uống của Bộ Y tế, được kiểm nghiệm bởi Viện nghiên cứu Pasteur và Sở Y tế.
- + Bình chứa nước chân không cao áp, ngăn không cho nước bị ô nhiễm trở lại.
- + Đáp ứng nhu cầu nước tinh khiết cho gia đình với công suất 240l/ngày. Và loại bỏ: Sạch cặn, cặn hữu cơ, bào xác, chì, diệt khuẩn, diệt virus, chất rắn hòa tan và giữ mùi vị ngon hơn.

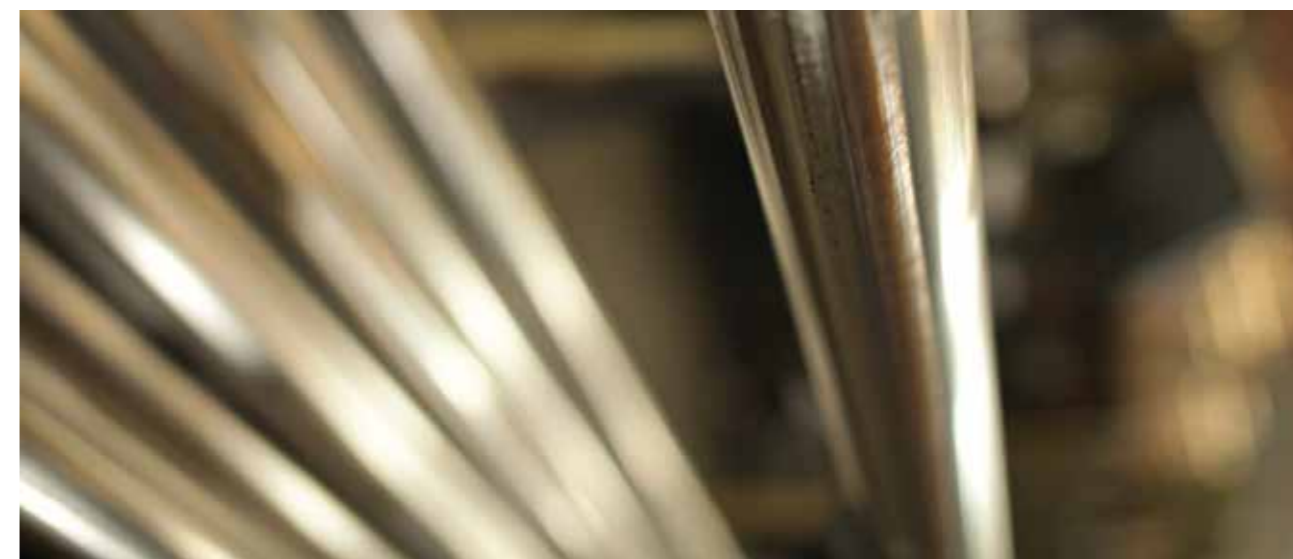


Hàng Công nghiệp

Sản phẩm được làm từ chất liệu inox cao cấp SUS 304, 304L, 316, 316L ...Chủng loại đa dạng theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM A312, A778 và châu Âu DIN EN 10217-7. Công nghệ hàn TPT (Tig - Plasma - Tig) tiên tiến của Đức, là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam được cấp chứng chỉ quốc tế PED của TUV.

Đảm bảo kiểm soát chất lượng:

- + 100% sản phẩm được kiểm tra dòng điện xoáy để đảm bảo độ kín đường hàn và thân ống.
- + 100% sản phẩm được kiểm tra thủy tĩnh, khả năng chịu áp lực, các chỉ tiêu cơ lý tính về độ giãn dài, giới hạn kéo bền đứt, dung sai kích thước cho phép.



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Bồn nhựa

Được sản xuất bằng nhựa nguyên sinh, lớp bột nhựa trong cùng là loại bột cao cấp, tránh tia cực tím, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với nguồn nước. Sản phẩm được sử dụng để chứa nước sạch, phù hợp với những nguồn nước phèn, mặn.

- Ống inox công nghiệp
- Ống inox trang trí
- La, V – inox

Bồn công nghiệp Sơn Hà BK

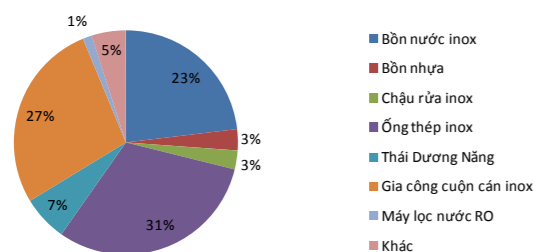
Bồn công nghiệp Sơn Hà BK được lắp ghép từ các tấm vật liệu Polyeste cường lực sợi thủy tinh (GRP). Do lắp đặt từ nhiều module nhỏ nên sản phẩm có thể lắp đầy mọi khoảng trống hoặc có thể lắp đặt các bồn nước dạng phân vùng. Các module này có thể lắp ghép thành những bể chứa nước khổng lồ hàng vạn mét khối hay ở những góc ngách công trình nhỏ nhất khó có thể thi công với các vật liệu thông thường. Cách lắp đặt từ các module nhỏ cũng rất tiết kiệm và thuận tiện cho việc bảo trì. Các tấm panel được tiêu chuẩn hóa giúp việc vận chuyển dễ dàng, rút ngắn thời gian xây dựng cũng như thay đổi khi bảo trì.



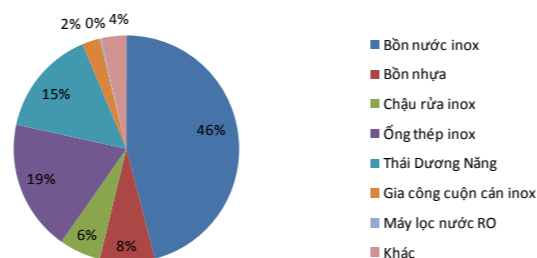
Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận 2015 theo sản phẩm

Sản phẩm	ĐVT	Sản lượng	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
Bồn nước inox	Cái	193,313	512,003,314,406	355,617,366,696	156,385,947,710
Bồn nhựa	Cái	42,782	67,895,463,636	41,113,018,914	26,782,444,722
Chậu rửa inox	Cái	191,754	60,136,423,120	40,009,041,170	20,127,381,950
Ống thép inox	Kg	14,679,209	684,861,176,786	621,083,036,144	63,778,140,642
Thái Dương Năng	Bộ	32,923	145,255,856,503	93,419,802,708	51,836,053,795
Gia công cuộn cán Inox	Kg	12,495,752	608,603,724,828	600,010,436,696	8,593,288,132
Máy lọc nước RO	Bộ	12,849	28,814,481,170	28,042,153,798	772,327,372
Khác			109,587,646,924	97,434,793,339	12,152,853,585
Tổng cộng			2,217,158,087,373	1,876,729,649,465	340,428,437,908

Tỷ trọng Doanh thu %



Tỷ trọng Lợi nhuận gộp %



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Báo cáo sản lượng năm 2015

Sản phẩm	ĐVT	Sản lượng KH	Sản lượng TH	% hoàn thành
Bồn nước inox	Cái	250,000	193,313	77.3%
Bồn nhựa	Cái	45,000	42,782	95.1%
Chậu rửa inox	Cái	130,000	191,754	147.5%
Ống thép inox	Kg	12,000,000	14,679,209	122.3%
Thái Dương Năng	Bộ	40,000	32,923	82.3%
Máy lọc nước RO	Bộ	40,000	12,849	32.1%

Cơ cấu doanh thu theo thị trường năm 2015

Thị trường	ĐVT	Sản lượng	Doanh thu
Trong nước			1,953,485,442,820
Miền Bắc			1,513,102,040,375
Miền Trung			193,843,591,133
Miền Nam			246,539,811,312
Xuất khẩu		4,984,973	263,672,644,553
- Brazil	Kg	390,321	24,010,937,828
- Ấn Độ	Kg	3,911,778	204,955,269,547
- Indonesia	Kg	71,109	3,619,830,339
- Nga	Kg	104,819	5,084,448,004
Thổ Nhĩ Kỳ	Kg	334,613	17,408,138,456
Đài Loan	Kg	123,901	5,992,400,919
Thái Lan	Kg	24,379	1,249,990,775
IRAN	Kg	24,054	1,351,628,685
Tổng cộng			2,217,158,087,373

Doanh thu lợi nhuận

STT	Chi tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%
1	Doanh thu (tỷ đồng)	2,400	2,217	92,4%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	65	80,2	123,5%

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT

Các sự kiện nổi bật

- Nhà máy Chu Lai đi vào hoạt động, góp phần tăng lợi nhuận năm 2015
- Tiến vào thị trường Bắc Mỹ thông qua ký hợp đồng xuất khẩu chậu rửa trị giá gần 2 triệu USD với một đối tác đến từ Canada
- Triển khai sản phẩm bể nước lắp ghép vật liệu GRP thân thiện với môi trường công nghệ Hàn Quốc
- Đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm máy nước nóng Thái Dương Năng tại Malaysia, mở đường chiếm lĩnh thị trường Đông Nam Á
- DUXTON Asset Management, Công ty quản lý quỹ đầu tư Singapore làm việc với Ban lãnh đạo Sơn Hà để xem xét đầu tư và định hình quan hệ hợp tác dài hạn
- Khai trương chi nhánh thứ hai tại Hải Dương
- Ra mắt dòng sản phẩm máy lọc mới Máy lọc nước R.O Eco - ứng dụng công nghệ Mỹ
- Trao đổi hợp tác với Asia Frontier Capital, công ty quản lý quỹ tiên phong tập trung đầu tư tại các thị trường châu Á cận biên có tốc độ tăng trưởng cao
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà được vinh danh trong top 10 Sao vàng đất Việt 2015
- Tham gia tổ chức gian hàng triển lãm tại hội chợ quốc tế Tubotech - diễn ra tại Sao Paulo, Brazil
- Xuất khẩu thành công mặt hàng máy nước nóng năng lượng mặt trời Thái Dương Năng sang thị trường Trung Đông
- Khởi công xây dựng nhà máy thứ 6 tại Nghệ An
- Ký kết thỏa thuận thuê đất xây dựng nhà máy lớn nhất tại Bắc Ninh
- Sơn Hà SSP Việt Nam khai trương chi nhánh đầu tiên tại Cao Bằng
- Khai trương chi nhánh thứ 2 tại Nam Định



Kí kết thỏa thuận thuê đất xây dựng nhà máy lớn nhất tại Bắc Ninh

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT



Kí kết thỏa thuận thuê đất xây dựng nhà máy lớn nhất tại Bắc Ninh

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

Những diễn biến nổi bật của môi trường kinh tế vĩ mô

Thị trường toàn cầu 2015 có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn. Triển vọng kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu chưa lạc quan. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Kinh tế thế giới phục hồi chậm và chưa lấy lại được đà tăng trưởng. Giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu. Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ và tăng trưởng sụt giảm của kinh tế Trung Quốc đã tác động mạnh tới kinh tế thế giới.

Trong nước, giá dầu giảm ảnh hưởng đến thu ngân sách, nhưng đồng thời là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng. Các số liệu thống kê kinh tế trong năm 2015 như sau: GDP tăng 6,68%, cao hơn mức 5,98% năm 2014; CPI tháng 12/2015 tăng 0,6% so với tháng 12/2014.

Tổng thu ngân sách giữa tháng 12/2015 đạt 884,8 nghìn tỷ đồng, chi ngân sách đến cùng thời điểm ước đạt 1.064,5 nghìn tỷ đồng. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12/2015 tăng 5,34% so với cùng kỳ năm 2014; mặt bằng lãi suất giảm nhẹ trong 6 tháng đầu năm và tăng lại ở 6 tháng cuối năm, tăng trưởng tín dụng 17,02% so với cuối năm 2014. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 162,4 tỷ đô-la Mỹ, dịch vụ đạt 11,2 tỷ đô-la Mỹ, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 165,6 tỷ đô-la Mỹ, dịch vụ đạt 15,5 tỷ đô-la Mỹ. Chỉ số VNIndex tăng từ 544,5 ngày 05/01/2015 lên mức 579,63 ngày 31/12/2015.

Theo MEPS, năm 2015 ghi nhận mức sản lượng toàn cầu của thép không gỉ thấp hơn 0,5% so với mức kỷ lục của năm 2014. Dự báo, năm 2015 sản lượng tiếp tục tăng khoảng 2% lên 42,3 triệu tấn. Mức giá thép mác 304 tháng 12/2015 giảm 28,3% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong năm 2015, một số khoản đầu tư lớn của công ty được thực hiện như sau:

Khoản mục	Số tiền	Nội dung
Đầu tư vào công ty con	30 tỷ đồng	Tăng vốn đầu tư tại SHA từ 24 tỷ lên 54 tỷ
Rút vốn khỏi cty liên kết	15 tỷ đồng	Thoái vốn tại CTCP Phát triển Đô thị Kiến Hưng
Mua sắm TSCĐ	60 tỷ đồng	Mua sắm mới TSCĐ
Đầu tư XDCB	75 tỷ đồng	Đầu tư XDCB hoàn thành
Đầu tư dây chuyền SX	29 tỷ đồng	Đầu tư dây chuyền sản xuất bình nước nóng

Tình hình đầu tư vốn từ đợt phát hành tăng vốn 180 tỷ năm 2015:

Khoản mục	Số tiền huy động	Số tiền đã giải ngân
Đầu tư cho dòng sản phẩm mới (máy móc, nhà xưởng và sản xuất thử nghiệm)	30.360.000.000	30.025.810.547
Đầu tư phương tiện vận tải	2.240.000.000	2.240.000.000
Cơ cấu nợ vay (trả nợ vay ngân hàng)	127.400.000.000	127.400.000.000
Bổ sung vốn lưu động	20.000.000.000	20.000.000.000

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

Đánh giá kết quả thực hiện năm 2015 Kết quả thực hiện năm 2015

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.217,2
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96,7
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	73,7
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	80,3
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.019
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (31/12/2015)	1.785,9
5.1	Tài sản ngắn hạn	1.169,3
5.2	Tài sản dài hạn	616,6
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (31/12/2015)	1.785,9
6.1	Nợ phải trả	1.099,4
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	686,5

So với kế hoạch đề ra

STT	Chỉ tiêu	KH	TH	%
1	Doanh thu (tỷ đồng)	2.400	2.217,2	92%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	65	80,3	124%
3	Cổ tức	15%	300 đ	20%

Như vậy, so với kế hoạch, chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 92%, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ đạt 124% và cổ tức đã tạm ứng 20% kế hoạch năm.

Giám sát hoạt động của Ban Giám Đốc

- Hợp và thẩm định Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng và năm, chỉ đạo ban điều hành hoàn thành báo cáo tài chính kiểm toán, soát xét và Báo cáo thường niên 2014.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại hội bất thường năm 2015, chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức thành công đại hội.
- Phê chuẩn tờ trình miễn nhiệm và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc.
- Phê chuẩn các tờ trình vay vốn thuộc thẩm quyền của HĐQT, đầu tư, thoái vốn tại công ty liên kết.
- Thúc đẩy và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 CỦA HĐQT

Tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2015 diễn ra trong bối cảnh các nền kinh tế phát triển tiếp tục phục hồi nhẹ, trong khi các nền kinh tế đang phát triển và các thị trường mới nổi tiếp tục chậm lại trong môi trường giảm giá của các hàng hóa cơ bản, giảm dòng vốn đầu tư đến các thị trường mới nổi, rủi ro tăng của thị trường tài chính.

Duy trì tốc độ tăng trưởng GDP là mục tiêu điều hành kinh tế của Chính phủ trong năm 2015 đồng thời với tiếp tục tái cấu trúc nền kinh tế ở các lĩnh vực tài chính công, doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng và nâng cao vai trò của khối doanh nghiệp tư nhân.

Năm 2015 là năm Công ty sẽ bước vào giai đoạn tái cấu trúc mạnh trong môi trường mà các nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh như: (i) giá nguyên liệu đầu vào có khả năng vẫn duy trì ở mức thấp; (ii) lãi suất vay thương mại có khả năng tăng dần; (iii) chi phí nhiên liệu, nhân công có khả năng tăng ở mức thấp.

Để duy trì được hiệu quả kinh doanh cũng như tạo tiền đề cho những đột phá trong thời gian tới, HĐQT thống nhất định hướng hoạt động như sau:

- Mở rộng và đổi mới hệ thống phân phối như tiếp tục mở thêm các chi nhánh và điểm bán hàng, chuẩn hóa nhận diện hệ thống chi nhánh, cửa hàng.
- Cải tiến danh mục sản phẩm hiện thời, phát triển sản phẩm mới dưới nhiều hình thức bổ sung vào danh mục sản phẩm, phù hợp với hệ thống phân phối đang phát triển.
- Tổ chức lại sản xuất thông qua tách các mảng kinh doanh thành các pháp nhân độc lập quản lý theo ngành hàng và địa điểm sản xuất; tập trung các nhà máy sản xuất tại các khu công nghiệp được phân bổ hợp lý để đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, tiết kiệm chi phí vận chuyển và hưởng ưu đãi đầu tư.
- Mở rộng quy mô Công ty thông qua đầu tư nâng cao năng lực sản xuất hiện tại, đầu tư mới hoặc có thể mua chi phối các công ty có tiềm năng phù hợp với định hướng phát triển.
- Tăng cường nguồn vốn chủ sở hữu thông qua tích lũy nội bộ, huy động tăng vốn để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng quy mô, đi đôi với cải thiện cơ cấu vốn với chi phí thấp.

Với nhận định trên, HĐQT thống nhất đặt kế hoạch cho năm tài chính 2015 với doanh thu hợp nhất 2.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 100 tỷ đồng, cổ tức 10% mệnh giá cổ phần, trong đó chia bằng tiền mặt 3%, bằng cổ phiếu 7%.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

Năm 2015 đánh dấu kết quả vượt bậc trong việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận đạt 80,3 tỷ đồng, vượt 23,5% so với mức kế hoạch 65 tỷ đồng và bằng 224% so với thực hiện 35,8 tỷ năm 2014. Doanh thu đạt 2.217 tỷ đồng, đạt 92% so với mức kế hoạch là 2.400 tỷ đồng.

Công ty đạt được kết quả trên là do sự đóng góp của cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về nguyên nhân khách quan, đó là do giá nguyên liệu ở mức thấp, giảm gần 30% ở thời điểm cuối năm so với cùng kỳ năm trước, lãi suất vay giảm cộng với tỉ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu giảm từ 2,8 lần xuống 1,6 lần đã dẫn đến lãi vay phải trả giảm 11% so với năm 2014, lợi nhuận từ công ty liên kết tăng, bằng 278,5% so với mức lợi nhuận của năm 2014. Nguyên nhân chủ quan là việc phát hành thành công 21 triệu cổ phần làm giảm tỉ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu góp phần làm giảm chi phí lãi vay, chi phí bán hàng giảm 6,1%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 8,6% so với chi phí tương ứng năm 2014.

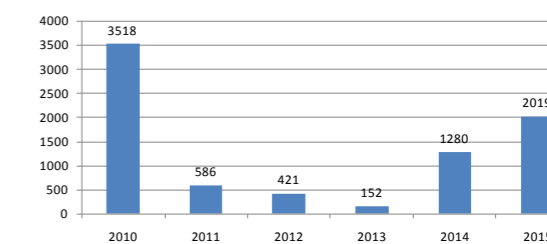
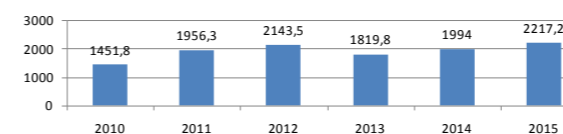


ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

Tình hình tài chính

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Chi tiêu	2014	2015
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.994,0	2.217,2
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44,3	96,7
Lợi nhuận sau thuế TNDN	32,9	73,7
Trong đó: lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty	35,8	80,3
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.280	2.019
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.675,5	1.785,9
Tài sản ngắn hạn	1.167,3	1.169,3
Tài sản dài hạn	508,2	616,6
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.675,5	1.785,9
Nợ phải trả	1.231,7	1.099,5
Nguồn vốn chủ sở hữu	433,6	686,4
Lợi ích của cổ đông thiểu số	10,2	3,6
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(7,8)	(98,2)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(73,2)	(172,0)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	156,4	206,2
Tiền và tương đương tiền cuối năm	98,1	34,2



Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm 2014	Năm 2015
Tổng giá trị tài sản (tỷ đồng)	1.675,5	1.785,9
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.994,0	2.217,2
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	39,5	100,6
Lợi nhuận khác (tỷ đồng)	4,8	(3,9)
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	44,3	96,7
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ đồng)	35,8	80,3
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Tổng lợi nhuận (%)	27,7%	75,6%

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,1	1,2
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,5	0,6
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,7	0,6
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,8	1,6
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	2,9	3,0
Doanh thu thuần/Tổng TS (lần)	1,3	1,2
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỉ suất lợi nhuận gộp (%)	14,7	18,1
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (%)	1,6	3,6
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu-ROE (%)	8,2	14,2
Hệ số LNST/Tổng tài sản-ROA (%)	2,1	4,6
Hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần (%)	1,9	4,6
EBIT/Doanh thu thuần (%)	5,9	7,5
EBITDA/Doanh thu thuần (%)	7,8	10,0

Đánh giá chung

Chỉ tiêu doanh thu hợp nhất và lợi nhuận sau thuế đều tăng so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là lợi nhuận sau thuế. Tổng tài sản tăng so với năm trước, tỉ lệ nợ/vốn chủ sở hữu giảm đáng kể, so với cùng kỳ năm trước. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư giảm, hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ năm trước.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

Tình hình tài sản

Tổng tài sản: Tăng 6,6% ở mức 1.785,9 tỷ đồng so với mức 1.675,5 tỷ đồng năm 2014. Trong đó nợ phải trả tăng giảm 10,8% xuống mức 1.099,5 tỷ đồng so với mức 1.231,7 tỷ đồng năm 2014. Vốn chủ sở hữu tăng 58,4% lên mức 686,4 tỷ đồng so với mức 433,6 tỷ đồng năm 2014. Trong năm, Công ty tạm ứng cổ tức năm 2015 với tỉ lệ 3% mệnh giá bằng tiền mặt.

Phải thu khách hàng: Tăng 26% lên mức 404,6 tỷ đồng so với mức 320,9 tỷ đồng năm 2014.

Hàng tồn kho: Tăng 2,6% lên mức 637,5 tỷ đồng so với mức 621,1 tỷ đồng năm 2014.

Tình hình nợ phải trả:

Vay ngắn hạn tăng 5,1% lên mức 770 tỷ đồng so với mức 727,3 tỷ đồng năm 2014. Nợ dài hạn giảm 16,8% xuống mức 99,3 tỷ đồng so với mức 163 tỷ đồng năm 2014.

Kế hoạch hoạt động trong năm 2015

- Mở rộng và đổi mới hệ thống phân phối như tiếp tục mở thêm các chi nhánh và điểm bán hàng, chuẩn hóa nhận diện hệ thống chi nhánh, cửa hàng.
- Cải tiến danh mục sản phẩm hiện thời, phát triển sản phẩm mới dưới nhiều hình thức bổ sung vào danh mục sản phẩm, phù hợp với hệ thống phân phối đang phát triển.
- Tổ chức lại sản xuất thông qua tách các mảng kinh doanh thành các pháp nhân độc lập quản lý theo ngành hàng và địa điểm sản xuất; tập trung các nhà máy sản xuất tại các khu công nghiệp được phân bố hợp lý để đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, tiết kiệm chi phí vận chuyển và hưởng ưu đãi đầu tư.
- Mở rộng quy mô Công ty thông qua đầu tư nâng cao năng lực sản xuất hiện tại, đầu tư mới hoặc có thể mua chi phối các công ty có tiềm năng phù hợp với định hướng phát triển.
- Tăng cường nguồn vốn chủ sở hữu thông qua tích lũy nội bộ, huy động tăng vốn để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng quy mô, đi đôi với cải thiện cơ cấu vốn với chi phí thấp.





 **SONHA**

Hoạt động của HĐQT
Hoạt động của BKS
Hoạt động quản trị rủi ro
Thẩm định BCTC năm 2015

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu hoạt động của HĐQT

HĐQT Công ty gồm 06 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm.

Danh sách Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2015)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
3.	Ông Lê Văn Ngà	Thành viên HĐQT
4.	Ông Phan Thế Ruệ	Thành viên HĐQT độc lập
5.	Ông Vi Công Khanh	Thành viên HĐQT độc lập
6.	Ông Đàm Quang Hùng	Thành viên HĐQT

Hoạt động của HĐQT năm 2015

- Trong năm 2015, HĐQT thực hiện tái cơ cấu tổ chức sản xuất qua việc thành lập 2 công ty con là Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An quản lý hoạt động của nhà máy tại khu Công nghiệp Nam Cấm, Nghệ An, Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam để quản lý mảng sản xuất ống thép inox và gia công cuộn cán. Bên cạnh đó, HĐQT đã ra quyết định thoái phần vốn góp tại Công ty CP Hiway Việt Nam, thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai cho Công ty liên kết là Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn.
- Trong năm, HĐQT đã tiến hành các thủ tục và phát hành thành công 21 triệu cổ phần trong đó 3 triệu cổ phần từ đợt phát hành thứ 2 theo nghị quyết năm 2014 và 18 triệu cổ phần cho đợt phát hành theo nghị quyết năm 2015, đồng thời tiến hành tạm ứng 3% cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2015. Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi đã thực hiện xong thủ tục và đang trong giai đoạn đàm phán với nhà đầu tư, phương án phát hành trái phiếu kèm chứng quyền đang thực hiện đợt phát hành cho nhà máy Nghệ An. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông cho phép tiếp tục thực hiện phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền trong năm tài chính 2015 và có thể sang năm 2017 trước khi diễn ra đại hội đồng cổ đông tiếp theo.
- Trong năm 2015, HĐQT đã ra quyết định miễn nhiệm một Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm một Phó Tổng Giám đốc.

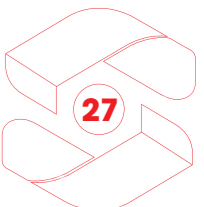
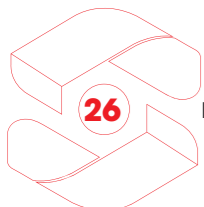
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các quyết định của Hội đồng Quản trị

Các quyết định của HĐQT được liệt kê chi tiết tại Báo cáo Quản trị Công ty 2015. Tóm tắt một số quyết định quan trọng như sau:

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ-HĐQT	05/01/2015	Thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Hiway Việt Nam
2	23/2015/NQ-HĐQT	04/03/2015	Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015
3	35/2015/NQ-HĐQT	01/04/2015	Thông qua chương trình và tài liệu đại hội cổ đông thường niên 2015
4	725/2015/NQ-HĐQT	15/06/2015	Thông qua việc miễn nhiệm Phó TGD Nguyễn Văn Thuận
5	68/2015/NQ-HĐQT	07/08/2015	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
6	73/2015/NQ-HĐQT	12/08/2015	Thành lập Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An
7	75/2015/BB-HĐQT	24/08/2015	Thành lập Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam
8	84/2015/NQ-HĐQT	14/09/2015	Thông báo thời gian, địa điểm họp ĐHCĐ bất thường 2015
9	Không số	16/10/2015	Biên bản họp HĐQT thông qua giao dịch tín dụng và hạn mức bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Quảng Nam
10	Không số	16/10/2015	Biên bản họp HĐQT thông báo lãnh cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Quảng Nam
11	103/2015/NQ-HĐQT	17/10/2015	Thông qua kết quả chào bán và chào bán số cổ phần chưa phân phối hết
12	Không số	21/10/2015	Biên bản họp HĐQT thông qua chuyển nhượng phần vốn tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai
13	129/2015/NQ-HĐQT	01/12/2015	Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược cho đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2015
14	136/2015/NQ-HĐQT	04/12/2015	Bổ nhiệm Phó TGD Trịnh Thị Khanh

Ngoài ra còn các quyết định liên quan đến việc vay vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.



THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG
LÊ VINH SƠN

Chủ tịch



ÔNG
LÊ HOÀNG HÀ

Phó Chủ tịch

THÀNH VIÊN
BAN GIÁM ĐỐC



ÔNG
LÊ HOÀNG HÀ

Tổng Giám đốc



ÔNG
LÊ VĂN NGÀ

Thành viên



ÔNG
PHAN THẾ RUỆ

Thành viên



ÔNG
VI CÔNG KHANH

Thành viên



ÔNG
ĐÀM QUANG HÙNG

Thành viên



ÔNG
ĐÀM QUANG HÙNG

Phó Tổng Giám đốc



BÀ
PHẠM THỊ THANH HÀ

Phó Tổng Giám đốc



ÔNG
ĐẶNG QUỐC HUY

Phó Tổng Giám đốc



BÀ
TRỊNH THỊ KHANH

Phó Tổng Giám đốc

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu hoạt động của Ban kiểm soát

Trong 4 tháng đầu năm tài chính 2015, thành viên BKS bao gồm các thành viên:

Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Trưởng ban
Ông Đỗ Khắc Tú	Thành viên, Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lý	Thành viên

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đã miễn nhiệm Bà Nguyễn Thị Việt Hà và Bà Nguyễn Thị Lý, bầu Bà Nguyễn Bá Thị Hợp và Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến thay. Đại hội đồng cổ đông bất thường 2015 đã miễn nhiệm Ông Đỗ Khắc Tú và bầu thay thế Ông Nguyễn Văn Lương, hiện BKS gồm:

Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Bá Thị Hợp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến	Thành viên



**ÔNG
NGUYỄN VĂN LƯƠNG**

Trưởng ban



**BÀ
ĐỖ BÁ THỊ HỢP**

Thành viên



**BÀ
NGUYỄN THỊ HỒNG LUYẾN**

Thành viên

BKS hoạt động trên cơ sở kết hợp giữa việc giám sát thường xuyên và giám sát định kỳ tình hình hoạt động của doanh nghiệp theo quyền hạn và trách nhiệm quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động. Trong quá trình hoạt động, BKS luôn giữ thái độ nghiêm túc, khách quan, cẩn trọng khi kiểm soát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và giám sát việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2015 của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD).

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát hoạt động năm 2015

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty

BKS đã tiến hành rà soát tình hình hoạt động của Công ty, xem xét báo cáo tài chính, tổ chức họp cùng Ban TGD, bộ phận tài chính, tổ chức kiểm toán. Qua đó, BKS đưa ra nhận xét đồng ý về cơ bản với các báo cáo về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty do Ban TGD và tổ chức kiểm toán đã đưa ra.

Các hoạt động của Công ty đã tuân thủ yêu cầu quy định trong hệ thống quản trị nội bộ. Việc kiểm soát, rà soát quá trình hoạt động và tình hình tài chính được thực hiện nghiêm túc, kịp thời phát hiện vấn đề và có các giải pháp phù hợp. Do đó Công ty tuy được mở rộng quy mô nhưng việc điều hành và kiểm soát vẫn được tiến hành tốt.

Kết quả giám sát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Về hoạt động của HĐQT

Năm 2015, HĐQT có một số thay đổi về nhân sự. Miễn nhiệm Ông Lê Huy Côn và Ông Đặng Minh Quang vào ngày 17/04/2015 và giảm số thành viên HĐQT từ 8 thành viên xuống còn 6 thành viên. Mọi thành viên của HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm. Thông qua việc tổ chức họp định kỳ, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, phê duyệt các quyết định đầu tư, quyết định bổ nhiệm nhân sự... thuộc thẩm quyền của HĐQT, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của Ban TGD.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm vừa qua, HĐQT đã đưa ra một số quyết định:

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ-HĐQT	05/01/2015	Thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Hiway Việt Nam
2	23/2015/NQ-HĐQT	04/03/2015	Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015
3	35/2015/NQ-HĐQT	01/04/2015	Thông qua chương trình và tài liệu đại hội cổ đông thường niên 2015
4	725/2015/NQ-HĐQT	15/06/2015	Thông qua việc miễn nhiệm Phó TGD Nguyễn Văn Thuận
5	68/2015/NQ-HĐQT	07/08/2015	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
6	73/2015/NQ-HĐQT	12/08/2015	Thành lập Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An
7	75/2015/BB-HĐQT	24/08/2015	Thành lập Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam
8	84/2015/NQ-HĐQT	14/09/2015	Thông báo thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ bất thường 2015
9	Không số	16/10/2015	Biên bản họp HĐQT thông qua giao dịch tín dụng và hạn mức bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-Chi nhánh Quảng Nam
10	Không số	16/10/2015	Biên bản họp HĐQT thông báo lãnh cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu Lai vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Quảng Nam
11	103/2015/NQ-HĐQT	17/10/2015	Thông qua kết quả chào bán và chào bán số cổ phần chưa phân phối hết
12	Không số	21/10/2015	Biên bản họp HĐQT thông qua chuyển nhượng phần vốn tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Chu

Các quyết định đều tuân thủ theo đúng quy trình, thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT Công ty

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Về hoạt động của Ban TGD

Năm 2015 trên cơ sở định hướng chiến lược của HĐQT, Ban TGD đã quyết liệt trong chỉ đạo tổ chức và đạt được những kết quả rất quan trọng. Một số kết quả hoạt động theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty trong năm 2015 như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục	Năm 2015	Năm 2014	So sánh giá trị		So sánh tỷ suất/Doanh thu	
				Số tiền	%	Năm 2015	Năm 2014
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,217,158,087,373	1,994,017,000,936	223,141,086,437	11.19%	100%	100%
2	Giá vốn hàng bán	1,876,729,649,465	1,701,432,984,155	175,296,665,310	10.30%	84.65%	85.33%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	340,428,437,908	292,584,016,781	47,844,421,127	16.35%	15.35%	14.67%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	6,653,050,444	4,114,386,501	2,538,663,943	61.70%	0.30%	0.21%
5	Chi phí tài chính	83,305,646,689	77,671,753,840	5,633,892,849	7.25%	3.76%	3.90%
6	Chi phí bán hàng	125,935,121,129	134,058,239,540	(8,123,118,411)	-6.06%	5.68%	6.72%
7	Chi phí QLDN	43,714,292,094	47,806,806,189	(4,092,514,095)	-8.56%	1.97%	2.40%
8	Thu nhập khác	8,807,862,502	5,475,085,738	3,332,776,764	60.87%	0.40%	0.45%
9	Chi phí khác	12,757,546,904	701,160,602	12,056,386,302	1719.49%	0.04%	0.21%
10	Phần lãi lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	6,490,299,121	2,330,501,144	4,159,797,977	178.50%	0.29%	0.12%
11	Lợi nhuận trước thuế TNDN	96,667,043,159	44,266,029,993	52,401,013,166	118.38%	4.36%	2.22%
12	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	80,275,177,353	35,750,861,444	44,524,315,909	124.54%	3.61%	1.79%
13	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,019	1,267	752	59.35%		

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Kết quả hoạt động kinh doanh

Theo báo cáo hợp nhất kiểm toán năm 2015, lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty là 80,3 tỷ đồng tăng hơn 1,2 lần so với năm 2014. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 là 2.019 đồng/cổ phiếu, tăng 7,5 lần so với năm 2014 (năm 2014 lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ đạt 1.267 đồng/cổ phiếu).

Một số nguyên nhân chính

• Do doanh thu và thu nhập tăng cao so với năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.217 tỷ đồng so với năm 2014 là 1.994 tỷ đồng, tăng 11,2%. Nguyên nhân chủ yếu là năm nay Công ty tích cực mở thêm chi nhánh, về cơ bản đã hoàn thiện hệ thống kênh phân phối. Việc hệ thống chi nhánh đi vào hoạt động hiệu quả cơ bản đã chứng minh chiến lược của Công ty về việc thay đổi mô hình phân phối là đúng đắn. Đồng thời năm nay với các chính sách bán hàng tốt.

Thu nhập khác năm nay của Công ty đạt 8,8 tỷ đồng so với năm 2014 là 5,4 tỷ đồng, tăng 60,9%. Nguyên nhân chính là năm nay Công ty được nhận khoản tiền hỗ trợ lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Doanh thu hoạt động tài chính năm nay đạt 6,7 tỷ so với năm 2014 là 4,1 tỷ giảm 31% so với năm 2013, tương ứng 9,2 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do doanh thu từ tiền lãi cho vay của năm nay giảm so với năm 2013. Phần giảm này ảnh hưởng không nhỏ đến sự tăng trưởng doanh thu chung của Công ty.

• Do chi phí giảm so với năm trước

Năm 2015 Ban TGD đã chủ động tích cực hơn trong việc kiểm soát và cắt giảm chi phí. Kế hoạch ngân sách được lập chi tiết cho từng phòng ban, phân xưởng; ngân sách thực hiện thực tế được công bố đánh giá hàng tháng và có các cam kết giải pháp cho các tháng tiếp theo. Cách làm đó đã mang lại hiệu quả cho việc kiểm soát chi phí cho Công ty.

Về giá vốn hàng bán: Năm 2015 để hạ giá thành sản phẩm Công ty đã siết chặt hơn việc quản lý định mức tiêu hao nguyên vật liệu và giảm tỷ lệ hàng hỏng hàng lỗi. Đồng thời cũng do điều kiện giá inox trên thị trường giảm nên giá nhập mua inox năm 2015 giảm tương đối so với năm 2014, tạo điều kiện cộng hưởng cho việc giảm giá thành sản phẩm. Kiểm soát được giá thành sản phẩm đã tạo điều kiện cho Công ty có các chính sách giá bán hợp lý và các chương trình khuyến mãi hấp dẫn để có thể cạnh tranh được so với các đối thủ lớn.

Trong khi doanh thu năm nay tăng 11,2% so với năm 2014 nhưng giá vốn hàng bán chỉ tăng 10,3%, tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu năm 2014 là 85,33% thì năm 2015 là 84,65% giảm 0,68% dẫn đến lãi gộp (GP) tăng 16,4% tương ứng 47,8 tỷ đồng so với năm 2014.

Về chi phí tài chính: Năm 2015 chi phí tài chính tăng 7,3% so với năm 2014, tương đương với 5,6 tỷ, tuy lãi suất cho vay của ngân hàng có giảm nhưng chi phí tài chính vẫn cao, nguyên nhân do chính sách chiết khấu để thu hút khách hàng và lỗ do chênh lệch tỷ giá trong thanh toán ngoại tệ.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 8,6% so với năm 2014, tương ứng giảm 4,1 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là năm 2015 chi phí dự phòng phải thu khó đòi giảm so với năm 2014. Đồng thời năm 2015 do việc cơ cấu lại bộ máy quản lý, tinh giảm nhân sự được triển khai hiệu quả nên chi phí lương quản lý cũng giảm tương đối góp phần vào giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại thời điểm cuối năm là 6,2 tỷ đồng, tương đương khoảng 1,3 % tổng các khoản phải thu ngắn hạn, giảm 3,9 tỷ so với năm 2014 nhưng vẫn còn cao, vì vậy BKS đề nghị Ban TGD cần có những biện pháp xử lý hợp lý vấn đề nợ phải thu khó đòi để không làm thất thoát tài sản của Công ty.
- Trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất, nợ phải trả luôn ở mức rất cao so với vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm 31/12/2015, nợ phải trả gấp 1.6 lần vốn chủ sở hữu, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 88% nợ phải trả cho thấy hoạt động của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào vốn vay ngân hàng, chủ yếu là vốn vay ngắn hạn, tỷ lệ đòn bẩy cao. Điều này làm phát sinh vấn đề về rủi ro thanh khoản và rủi ro trong việc đảm bảo ổn định nguồn vốn hoạt động lâu dài cho Công ty. BKS đề nghị Ban TGD lưu ý tới vấn đề này trong quá trình hoạt động.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

BKS đã tiếp cận, rà soát một cách độc lập, khách quan các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động và các quyết định của HĐQT, BTGD. BKS cũng được cung cấp một cách tương đối đầy đủ các tài liệu liên quan. Đồng thời, BKS vẫn luôn giữ liên hệ với các cổ đông, tiếp thu ý kiến phản hồi của các cổ đông.

Triển khai một số nghị quyết của ĐHCĐ và của HĐQT

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2,400	2,217	92,38%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN (tỷ đồng)	65	80,3	124%
3	Cổ tức (đồng)	15% mệnh giá	300 đồng	20%

Năm doanh thu thuần đạt 2.217 tỷ đồng so với kế hoạch là 2.400 tỷ đồng, đạt 92.38%. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 80,3 tỷ đồng so với kế hoạch là 65 tỷ đồng, đạt 124%. Cổ tức 300 đồng/cổ phiếu đã được tạm ứng, tương ứng với 20% so với kế hoạch năm.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

• Chi trả thù lao cho HĐQT và BKS

Thù lao của HĐQT và BKS được thực hiện theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015. Thù lao thực nhận của các thành viên phụ thuộc vào thời gian đảm đương chức danh trong năm.

Thù lao của HĐQT năm 2015

Họ tên thành viên	Chức danh	Thù lao(đồng)
Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	177.840.000
Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	66.690.000
Lê Văn Ngà	Thành viên	66.690.000
Lê Huy Côn	Thành viên	19.550.219
Phan Thế Ruệ	Thành viên	66.690.000
Đặng Minh Quang	Thành viên	19.550.219
Vì Công Khanh	Thành viên	66.690.000
Đàm Quang Hùng	Thành viên	66.690.000

Thù lao của Ban kiểm soát năm 2015

Họ tên thành viên	Chức danh	Thù lao(đồng)
Nguyễn Thị Việt Hà	Trưởng ban	17.215.562
Đỗ Khắc Tú	Thành viên sau là Trưởng ban	36.380.055
Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban	14.292.164
Nguyễn Thị Lý	Thành viên	8.607.781
Đỗ Bá Thị Hợp	Thành viên	21.032.219
Nguyễn Thị Hồng Luyến	Thành viên	21.032.219
TỔNG CỘNG		118.560.000

• Lựa chọn công ty kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2015 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn (A&C) kiểm toán. Công ty A&C nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận. Tuy nhiên, như những năm trước đây BKS đã có ý kiến, Công ty A&C đã tham gia kiểm toán cho Công ty CP Quốc tế Sơn Hà từ năm 2008 vì vậy đề nghị HĐQT cân nhắc việc thay đổi Công ty kiểm toán để đảm bảo tính khách quan trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

Thẩm định báo cáo tài chính

Toàn bộ số liệu tài chính do Ban TGD vừa công bố đều được trích dẫn từ báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015. Số liệu phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua và được hạch toán tuân thủ theo các quy định về hạch toán kế toán hiện hành. Kết quả trên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Số liệu cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tóm tắt năm 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
		(31/12/2015)	(01/01/2015)
1	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,785,945,859,932	1,675,520,119,249
1.1	Tài sản ngắn hạn	1,169,336,578,613	1,167,261,958,758
1.2	Tài sản dài hạn	616,609,281,318	508,258,160,491
2	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,785,945,859,932	1,675,520,119,249
2.1	Nợ phải trả	1,099,468,764,159	1,231,748,391,694
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	686,477,095,773	433,549,208,043
2.3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	3,683,430,418	10,222,519,512

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,217,158,087,373
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96,667,043,159
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	73,736,088,259
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(6,539,089,094)
	- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	80,272,177,353
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tính trên vốn điều lệ bình quân)	2,019

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2015

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(98,236,735,549)	(7,816,104,104)
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(172,005,018,682)	(73,191,035,890)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(206,262,653,207)	156,382,820,192
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(63,979,101,024)	75,375,680,198
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	(98,149,078,360)	22,781,586,869
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(22,133,243)	8,188,707

Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Ban Kiểm soát

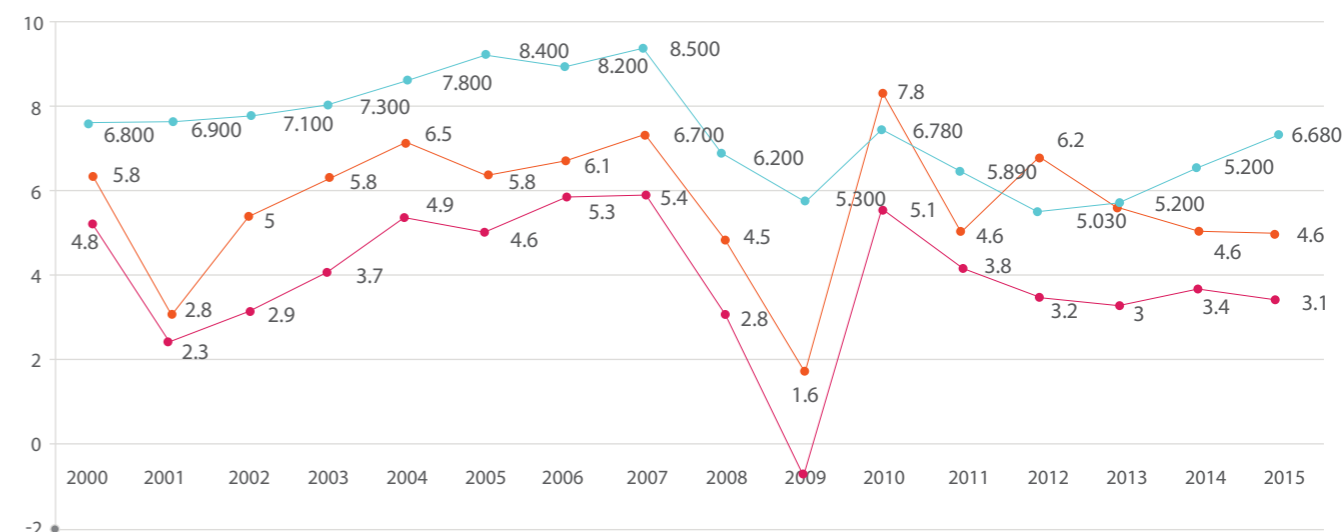
Năm 2015 Công ty dự kiến sẽ hoàn thiện hệ thống phân phối bán hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường, giữ vững và chiếm lĩnh thị phần. Tuy nhiên bên cạnh đó nền kinh tế của đất nước nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn. Do vậy, Công ty sẽ phải tiếp tục cải tiến đổi mới trong hoạt động, trong chính sách và chiến lược. Điều đó đòi hỏi việc quản trị nội bộ của Công ty càng cần được chú trọng.

Năm 2015, BKS sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình với nhiệm vụ giám sát các hoạt động của HĐQT, BTGD theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông. Bên cạnh đó BKS cũng sẽ tiếp tục phối hợp với HĐQT nhằm tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư mở rộng, thận trọng trước những biến động của thị trường.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Sau cuộc đại suy thoái kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu chạm đáy thì ở Việt Nam, chỉ số vẫn duy trì ở mức khá cao (6,2% năm 2008, gấp 2,2 lần tốc độ tăng trưởng GDP trung bình toàn thế giới và 5,3% năm 2009, gấp 8,8 lần). Kể từ 2013 kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến khởi sắc, tác động tích cực lên các thành phần kinh doanh tư nhân và nhà nước. Lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số làm giảm áp lực lên chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trước những biến động của nền kinh tế toàn cầu cũng như các thị trường xuất khẩu và tình hình kinh tế trong nước, Công ty CP Quốc tế Sơn Hà đã luôn chủ động trong công tác quan sát, dự đoán nhịp điệu vận động chung để kịp thời quản lý những rủi ro nội sinh cũng như từ bên ngoài.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



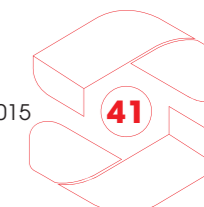
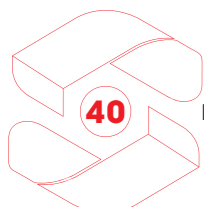
Nguồn: GSO, IMF

● Việt Nam
● KV. Đông Nam Á
● Toàn cầu

Những điểm nổi bật:

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2015 tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Đây là năm có chỉ số giá tăng thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

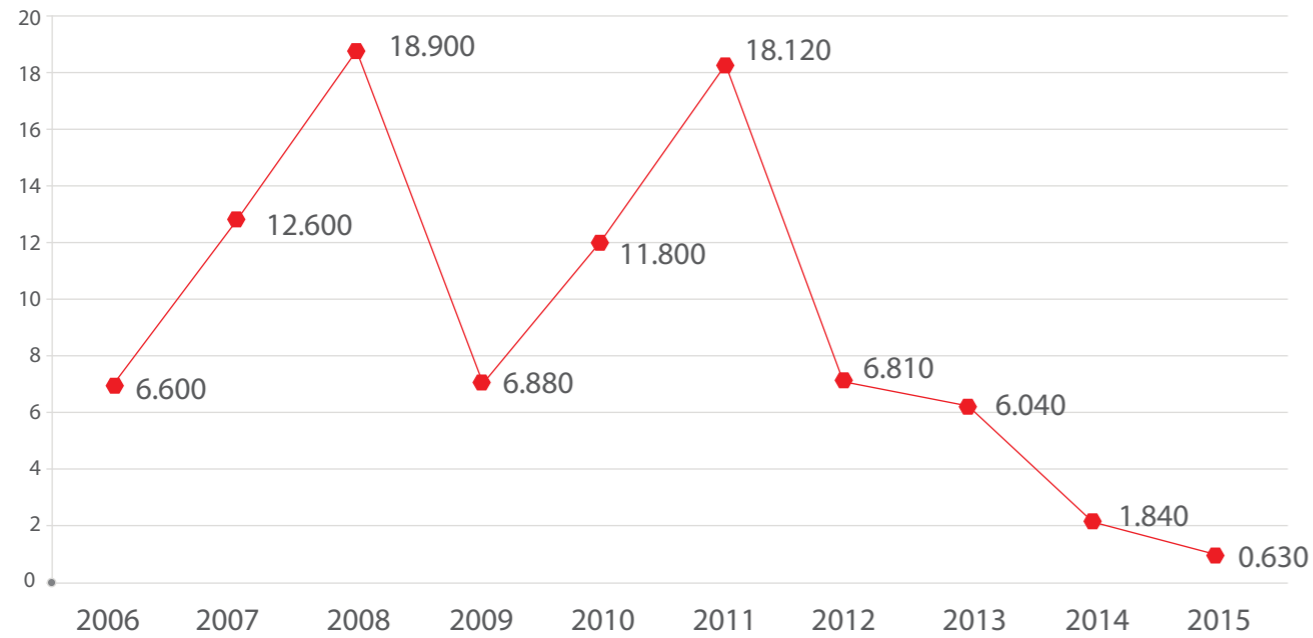
Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam được cải thiện rõ rệt: năm 2014 đạt 5,98% và năm 2015 đạt 6,68 %



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam

Chỉ số CPI



Nguồn: GSO

Thành tựu quản trị rủi ro:

Mặc dù những khó khăn và bất ổn kinh tế toàn khu vực và các thị trường xuất khẩu chính kể từ sau đại suy thoái đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng Hội đồng quản trị và Ban giám đốc với tinh thần chủ động, kịp thời, luôn tìm kiếm các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển.

Rủi ro môi trường vĩ mô

- Rủi ro môi trường kinh tế

Các yếu tố rủi ro về tăng trưởng, lạm phát và lãi suất luôn đặt ra những khó khăn trực tiếp, gây áp lực lên sự ổn định giá do những dao động của chi phí sản xuất kinh doanh, giá nguyên vật liệu, giá nhân công,... cũng như lợi nhuận của doanh nghiệp. Đứng trước những biến động không ngừng của môi trường kinh tế, Công ty CP Sơn Hà kiên quyết tiếp tục xây dựng và tăng cường chiến lược quản trị rủi ro dựa trên các yếu tố:

- Tăng cường giá trị cổ phiếu SHI
- Đẩy mạnh quan hệ đầu tư
- Nâng cao chất lượng quản trị thông qua các hoạt động đào tạo chuyên sâu

- Rủi ro môi trường pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Do đặc thù khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam nên sau khi trở thành công ty niêm yết, đến nay tập thể lãnh đạo và nhân viên của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà luôn nêu cao ý thức ứng phó và quản trị rủi ro pháp luật. Các phòng ban, bộ phận chức năng của Công ty luôn cập nhật, nắm bắt đầy đủ những quy định, chính sách, văn bản pháp lý của Nhà nước để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị tích cực. Đồng thời, các phòng ban chuyên môn cũng nghiên cứu các quy định, chính sách xuất nhập khẩu của các thị trường nước ngoài mà công ty có kế hoạch mở rộng để hạn chế tối đa những rủi ro pháp lý trong giao dịch.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro môi trường vi mô

- Rủi ro thị trường xuất khẩu

Với kế hoạch mở rộng thị trường và xuất khẩu tới các quốc gia không chỉ trong khu vực mà còn trên khắp thế giới, Công ty CP Quốc tế Sơn Hà đã chủ động trong công tác quản trị rủi ro xuất khẩu, cụ thể qua các hoạt động:

- Xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO9001:2008 và thực hiện đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách ổn định.
- Với thị trường châu Âu: Công ty đã đáp ứng được yêu cầu và được cấp chứng nhận PED (Pressure Equipment Directive).
- Với thị trường Mỹ và các nước sử dụng tiêu chuẩn ASTM: Đáp ứng các tiêu chuẩn A312, A554, A778 của ASTM (American Society for Testing and Material).
- Chủ động cập nhật và điều chỉnh các mức giá để phù hợp với chính sách bảo hộ doanh nghiệp và Thuế chống bán phá giá của từng quốc gia.

- Rủi ro về nguyên vật liệu

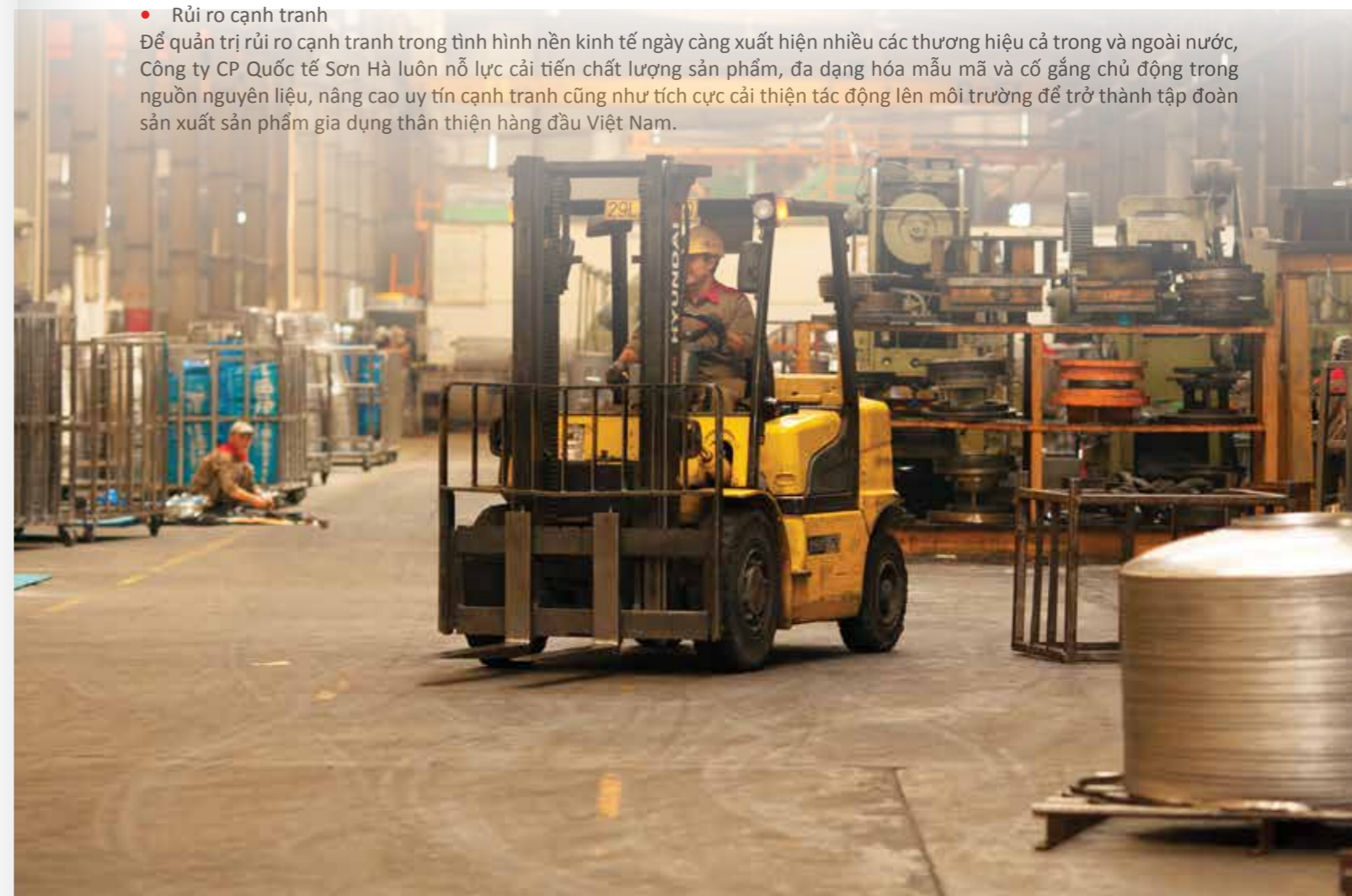
Nguyên liệu chính của Công ty CP Quốc tế Sơn Hà được nhập khẩu từ nước ngoài và một số ít doanh nghiệp trong nước. Giá của nguyên liệu thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó, nếu nguồn nguyên vật liệu không được cung cấp đầy đủ và đúng hạn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động cung cấp cho các đơn hàng và độ tin nhiệm của thương hiệu. Để chủ động quản trị rủi ro về nguyên vật liệu, ban lãnh đạo luôn tìm kiếm những đối tác cung cấp uy tín nhằm đảm bảo thời hạn giao hàng cũng như chất lượng sản phẩm.

- Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Trong những năm gần đây, cuộc suy thoái kinh tế thế giới đã tác động tiêu cực khiến nhu cầu của thị trường trong nước cũng như nước ngoài đối với hầu hết sản phẩm đều giảm. Tuy nhiên, do Ban lãnh đạo đã linh hoạt mở rộng sản phẩm chính của Sơn Hà từ các sản phẩm thép công nghiệp sang cả lĩnh vực đồ gia dụng thiết yếu, do đó, hoạt động sản xuất không bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đồng thời, Ban lãnh đạo đã chủ động điều chỉnh sản lượng cho phù hợp với sức tiêu thụ của thị trường.

- Rủi ro cạnh tranh

Để quản trị rủi ro cạnh tranh trong tình hình nền kinh tế ngày càng xuất hiện nhiều các thương hiệu cả trong và ngoài nước, Công ty CP Quốc tế Sơn Hà luôn nỗ lực cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã và cố gắng chủ động trong nguồn nguyên liệu, nâng cao uy tín cạnh tranh cũng như tích cực cải thiện tác động lên môi trường để trở thành tập đoàn sản xuất sản phẩm gia dụng thân thiện hàng đầu Việt Nam.





1. Định hướng phát triển
2. Văn hóa doanh nghiệp
3. Đồng hành cùng sự phát triển xã hội
4. Năng lượng bền vững

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2015

Mở rộng và đổi mới hệ thống phân phối như tiếp tục mở thêm các chi nhánh và điểm bán hàng, chuẩn hóa nhận diện hệ thống chi nhánh, cửa hàng. Cải tiến danh mục sản phẩm hiện thời, phát triển sản phẩm mới dưới nhiều hình thức bổ sung vào danh mục sản phẩm, phù hợp với hệ thống phân phối đang phát triển.

Tổ chức lại sản xuất thông qua tách các mảng kinh doanh thành các pháp nhân độc lập quản lý theo ngành hàng và địa điểm sản xuất; tập trung các nhà máy sản xuất tại các khu công nghiệp được phân bố hợp lý để đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, tiết kiệm chi phí vận chuyển và hưởng ưu đãi đầu tư.

Mở rộng quy mô Công ty thông qua đầu tư nâng cao năng lực sản xuất hiện tại, đầu tư mới hoặc có thể mua chi phối các công ty có tiềm năng phù hợp với định hướng phát triển.

Tăng cường nguồn vốn chủ sở hữu thông qua tích lũy nội bộ, huy động tăng vốn để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng quy mô, đi đôi với cải thiện cơ cấu vốn với chi phí thấp.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Là một thương hiệu được xây dựng và trưởng thành sau giai đoạn mở cửa về kinh tế và hội nhập quốc tế sau khi Mỹ dỡ bỏ cấm vận với Việt Nam, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà có nhiều điều kiện thuận lợi nhưng cũng không ít thách thức. Để chèo lái con thuyền doanh nghiệp vượt qua những khó khăn cũng như nắm bắt được tối đa vận hội phát triển, Sơn Hà đã định hình văn hóa doanh nghiệp từ rất sớm. Nền tảng văn hóa của Sơn Hà được vun đắp dựa trên những giá trị cụ thể:

- **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm chất lượng và dịch vụ chuyên nghiệp giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
- **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
- **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
- **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội, góp phần làm hưng thịnh quốc gia.



ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN

Với cam kết phát triển song hành cùng cộng đồng, đóng vai trò là doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội, góp phần làm hưng thịnh quốc gia, trong năm 2015, Ban lãnh đạo Công ty đã tích cực đóng góp và cống hiến cho nhiều chương trình ý nghĩa như:

- Kết hợp cùng UBND huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên thực hiện cung cấp 815 bồn nước nhựa cao cấp Sơn Hà tới các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên theo quyết định 755/QĐ-TTG của Chính Phủ
- Kết hợp cùng UBND huyện Sông Mã và huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, UBND huyện Tân Lạc tỉnh Hòa Bình thực hiện việc cung cấp hơn 301 bồn nước nhựa cao cấp Sơn Hà tới các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo tỉnh Hòa Bình, Sơn La theo quyết định 755/QĐ-TTG của Chính Phủ
- Kết hợp cùng UBND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An thực hiện việc cung cấp hơn 300 bồn nước nhựa cao cấp Sơn Hà tới các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh Nghệ An theo quyết định 755/QĐ-TTG của Chính Phủ
- Trao 200 suất quà cho các em nhỏ trường mẫu giáo Tả Pìn trong chuỗi chương trình “Sơn Hà – Thắp lửa vùng cao” tại xã Tả Pìn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang
- Chia sẻ cùng đồng bào thiên tai tỉnh Quảng Ninh số tiền 20 triệu đồng, xây dựng chính sách trợ giá đặc biệt cho người dân ở vùng lũ của Quảng Ninh các khu vực: Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn, Mông Dương
- Tham dự chương trình “Ngày về Pháp ngữ” của khoa Pháp ngữ trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội và trao tặng 50 triệu đồng cho Quỹ Khuyến học của khoa
- Tham gia Chương trình Tuyên truyền tiết kiệm điện hưởng ứng Giờ Trái Đất tại UBND phường Khâm Thiên do Công ty điện lực Đống Đa tổ chức
- Trao tặng quà cho các em có hoàn cảnh khó khăn của Thành phố Hà Nội
- Tài trợ giải bóng đá sinh viên thủ đô
- Tham gia tháng hành động vì quyền người tiêu dùng

NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG

Duy trì nguồn nước sạch bền vững

Với mong muốn đem lại sức sống cho môi trường, đặc biệt là nguồn nước sạch vốn đã bị ô nhiễm nặng nề ở Việt Nam, Sơn Hà đã phối hợp với nhiều tổ chức quốc tế và đã có những bước phát triển mạnh trong ngành xử lý rác thải môi trường, đánh dấu bằng việc ký kết với Công ty Insun Ent (Hà Nội) – một doanh nghiệp chuyên môn trong lĩnh vực hệ thống hóa xử lý rác thải. Sơn Hà và Insun Ent đã ký kết về việc cùng nhau triển khai dự án xử lý rác thải tổng hợp tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành dự án bãi thiêu hủy rác thải và bãi chôn lấp rác thải trên khu đất có diện tích khoảng 6 vạn pyong (60,000* 3.3m2) tại khu vực lân cận Hà Nội.

Nước máy và nước giếng khoan được xử lý đạt tiêu chuẩn nước sạch (tỉ lệ 40/70)

Sơn Hà hoàn toàn tuân thủ yêu cầu của Nhà nước về quản lý cũng như xử lý các loại nước thải và rác thải, cụ thể:

+ Hệ thống nước được phân rõ làm hai: Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Toàn bộ hệ thống nước thải sinh hoạt được xử lý ra cấp độ B và đưa sang khu công nghiệp xử lý thành cấp độ A để thải ra môi trường.

+ Rác thải của nhà máy (sinh hoạt và công nghiệp) đều được thu gom 100% bởi công ty có chức năng về vận chuyển và xử lý rác thải.

Không chỉ chung tay xử lý rác thải môi trường, Sơn Hà cũng góp phần giữ gìn nguồn nước trong lành tới mọi hộ gia đình thông qua chính những sản phẩm của mình, tiêu biểu là sản phẩm máy lọc nước R.O với công nghệ Mỹ. Sản phẩm có khả năng tạo nước tinh khiết tức thời đạt tiêu chuẩn nước uống của Bộ Y tế, được kiểm nghiệm bởi Viện nghiên cứu Pasteur và Sở Y tế. Bình chứa nước chân không cao áp, ngăn không cho nước bị ô nhiễm trở lại và loại bỏ sạch cặn, cặn hữu cơ, bào xác, chì, diệt khuẩn, diệt virus, chất rắn hòa tan và giữ mùi vị ngon hơn. Sản phẩm đáp ứng nhu cầu nước tinh khiết cho gia đình với công suất 240l/ngày.

Ngoài ra, sản phẩm Bồn nhựa được sản xuất bằng nhựa nguyên sinh, lớp bột nhựa trong cùng là loại bột cao cấp, tránh tia cực tím, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm với nguồn nước. Sản phẩm được sử dụng để chứa nước sạch, phù hợp với những nguồn nước phèn, mặn.



NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG

Sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Sơn Hà luôn phát huy những đóng góp về sáng kiến tiêu thụ năng lượng hiệu quả nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên quý giá này và góp phần giảm thiểu những tác động có hại tới môi trường. Những sáng kiến này được áp dụng triệt để trong Công ty, từ nhà máy cho tới văn phòng.

Đối với nhà máy:

- Thay đổi hành trình của các máy dập ép công suất lớn để giảm số công đoạn để tăng 30% năng suất sản xuất.
- Quy hoạch phân vùng chiếu sáng và thay đổi hệ thống đèn chiếu sáng trong sản xuất bằng hệ thống đèn compact, tiết kiệm 35% công suất điện.
- Đầu tư thay đổi 20% số máy hàn lăn công nghệ mới (loại công nghệ của máy này tiêu thụ năng lượng giảm 50% và năng suất tăng 12%), năm 2015 sẽ đầu tư thay thế tiếp thêm 30%.
- Xây dựng hệ thống máy điện hóa tự động loại bỏ thời gian chờ (có bật điện cho máy) và nâng cao năng suất sản xuất lên 8% và tiết kiệm 6% lượng điện tiêu thụ.

Đối với văn phòng:

Quy định rõ các yêu cầu sử dụng đèn chiếu sáng trong làm việc, qui định nhiệt độ đặt của điều hòa, qui định tắt màn hình máy tính khi không ngồi trên máy giúp giảm thiểu lãng phí điện năng.

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Địa điểm	Chi phí	Chỉ số tiêu thụ (nước: m3, điện: KWh)	Số tiền chưa VAT
Diễn	Nước sạch	9,448	91,700,547
	Điện	3,078	2,143,451,616
Phùng	Nước sạch	12,160	125,393,075
	Điện	128,010	18,349,636,173
	Nước thải	63,687	891,618,000

NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG

Góp phần phát triển nguồn năng lượng thay thế

Không dừng lại ở việc tiết kiệm nguồn năng lượng truyền thống, Sơn Hà đã liên tục đổi mới và ứng dụng những công nghệ tiên tiến trong sản xuất để tận dụng nguồn năng lượng thay thế và đem đến ánh sáng mới cho cuộc sống hiện đại. Sản phẩm tiêu biểu cho sáng kiến này chính là Tấm năng lượng Thái Dương Năng. Hệ thống hoạt động theo nguyên lý đối lưu nhiệt tự nhiên, tận dụng khả năng hấp thụ cao năng lượng mặt trời của các ống hấp thụ nhiệt chân không. Lớp phủ có độ trong suốt thấp chuyển bức xạ mặt trời thành nhiệt năng. Sản phẩm đảm bảo sự thân thiện với môi trường, an toàn khi sử dụng và tiết kiệm điện năng 100%.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Mọi tác động tới môi trường được Sơn Hà quản lý ngay từ khâu đầu tiên về nguyên vật liệu. Nguồn vật liệu đầu vào được đảm bảo đều là thân thiện với môi trường và an toàn cho người sử dụng.

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm

Sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
Vỏ Thùng Thái Dương Năng	cái	97451
Màng PE cho Thái Dương Năng	kg	6769.2
Vỏ thùng carton chịu rửa inox	cái	37444
Tổng Màng PE chịu rửa inox	kg	11036.5
Inox	kg	15648022
Inox 201 cho vỏ Eco	cái	21724.8
Tôn đen (sắt)	kg	178923





Báo cáo của HĐQT

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo chuyển lưu tiền tệ hợp nhất 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 13 lần được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ 13 ngày 9 tháng 3 năm 2015.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Thu gom rác thải không độc hại; thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá;
- Sản xuất gỗ nội thất (bàn, ghế, tủ, tủ bếp);
- Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp; sản xuất các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán các sản phẩm thiết bị nhà bếp; mua bán các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Khai thác, sản xuất, mua bán, chế biến sản phẩm đá tự nhiên, đá dùng trong xây dựng;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; dịch vụ vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; đại lý giao nhận và đại lý vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục mầm non; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, ngoại ngữ, tin học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;
- Sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; dịch vụ hành chính và văn phòng tổng hợp;
- Sản xuất sắt, thép, gang; đúc sắt, thép;
- Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao; hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

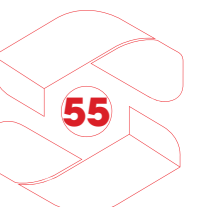
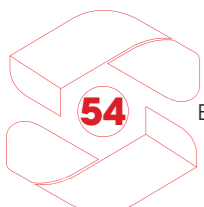
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Hoàng Hà	Phó chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Văn Ngà Thành viên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Huy Côn Thành viên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Thế Ruệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Vi Công Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Đàm Quang Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2015
Ông Đỗ Khắc Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Bá Thị Hợp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Lý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Hoàng Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vĩnh Sơn (tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2010
Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2007
Miễn nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2015
Bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2011
Bổ nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2012
Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015

Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ theo chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng phải chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn
Chủ tịch
Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2015, từ trang 8 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu nhập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

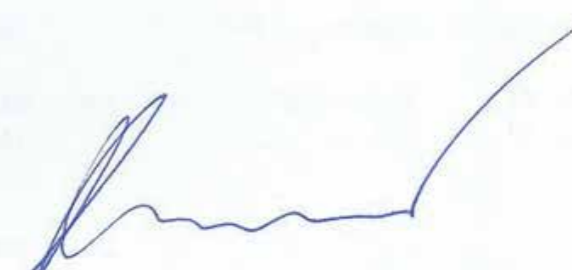
Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016



Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

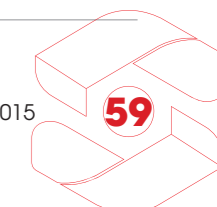
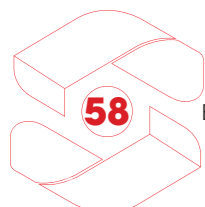
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,169,336,578,613	1,167,261,958,758
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	34,147,844,093	98,149,078,360
1.Tiền	111		34,147,844,093	98,149,078,360
2.Các khoản tương đương tiền	112			
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1.Chứng khoán kinh doanh	121			
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		477,352,652,470	438,699,733,254
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	404,608,462,856	320,930,630,788
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12,531,169,959	36,382,806,996
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
đồng xây dựng				
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	19,172,723,182	36,051,389,479
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 6a	46,462,602,607	54,865,017,303
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(6,206,420,304)	(10,112,917,454)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý`	139	V.8	784,114,170	582,806,142
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	627,914,230,843	621,113,047,903
1.Hàng tồn kho	141		637,512,432,506	621,113,047,903
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9,598,201,663)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29,921,851,207	9,300,099,241
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.I0a	5,595,518,067	7,479,283,150
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24,326,333,140	1,820,816,091
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại	154			
trái phiếu Chính phủ				
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

* Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh BCTC hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		616,609,281,319	508,258,160,491
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		7,165,711,332	6,205,711,332
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	7,165,711,332	6,205,711,332
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		404,888,955,595	360,456,832,497
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	388,545,191,144	342,104,730,581
Nguyên giá	222		641,586,653,422	546,643,152,043
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(253,041,462,278)	(204,538,415,462)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	3,401,002,318	5,109,797,782
Nguyên giá	225		3,886,859,998	5,944,173,272
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(485,857,680)	(834,375,490)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	12,942,762,133	13,242,298,134
Nguyên giá	228		19,094,928,414	V.14
10,445,000,000	18,355,028,414			
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,152,166,281)	(5,112,730,280)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.14	10,445,000,000	
Nguyên giá	231		10,445,000,000	
Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		62,527,351,784	23,906,359,355
1. Chi phí sản xuất,	241			
kinh doanh dở dang dài hạn				
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		62,527,351,784	23,906,359,355
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.15	62,527,351,784	23,906,359,355
1.Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	67,376,291,655	45,867,888,859
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2,710,000,000	4,210,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		61,495,970,953	67,611,368,448
1.Chi phí trả trước dài hạn	26	V.10b	17,912,885,699	16,429,050,9751
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	43,583,085,254	51,182,317,473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,785,945,859,932	1,675,520,119,249

* Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh BCTC hợp nhất



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C-NỢ PHẢI TRẢ	300		1,099,468,764,159	1,231,748,391,694
I. Nợ ngắn hạn	310		964,273,564,168	1,069,612,211,077
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	154,406,548,497	303,473,624,089
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	7,940,821,952	8,550,452,090
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.19	14,944,552,507	5,117,269,552
4. Phải trả người lao động	314		9,268,960,488	7,273,652,489
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	5,089,764,829	9,928,774,068
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21a	781,723,493	903,808,074
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	1,025,792,995	1,425,500,004
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	770,034,664,423	732,711,860,924
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	780,734,984	227,269,787
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		135,195,199,991	162,136,180,617
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		29,691,654,173	30,473,093,081
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	6,170,955,700	12,122,102,965
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	99,332,590,118	119,540,984,571
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

* Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh BCTC hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGUỒN VỐN				
D-NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		686,477,095,773	443,771,727,555
I. Vốn chủ sở hữu	410		686,477,095,773	443,771,727,555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25a	547,107,230,000	337,107,230,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		547,107,230,000	337,107,230,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25a	16,061,097,352	33,846,427,352
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.25a	(9,484,460,000)	(9,484,460,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25a	11,572,710,816	9,427,659,129
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25a	117,537,087,187	62,652,351,562
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48,328,736,036	62,652,351,562
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		69,208,351,151	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	3,683,430,418	10,222,519,512
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,785,945,859,932	1,675,520,119,249

* Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh BCTC hợp nhất

Người lập biểu
Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng
Tôn Thị Thiện An

Chủ tịch HĐQT
Lê Vĩnh Sơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đơn vị: VND

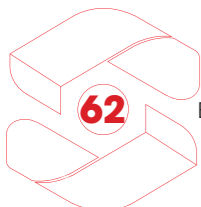
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,308,225,455,122	2,036,244,640,930
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	91,067,367,749	42,227,639,994
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,217,158,087,373	1,994,017,000,936
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,876,729,649,465	1,701,432,984,155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		340,428,437,908	292,584,016,781
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6,653,050,444	4,114,386,501
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	83,305,646,689	77,671,753,840
trong đó: chi phí lãi vay	23		64,574,899,675	72,484,265,559
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6,490,299,121	2,330,501,144
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	125,935,121,129	134,058,239,540
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	43,714,292,094	47,806,806,189
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		100,616,727,561	39,492,104,857
12. Thu nhập khác	31	VI.8	8,807,862,502	5,475,085,738
13. Chi phí khác	32	VI.9	12,757,546,904	701,160,602
14. Lợi nhuận khác	40		(3,949,684,402)	4,773,925,136
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96,667,043,159	44,266,029,993
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	22,930,954,900	11,481,412,777
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		73,736,088,259	32,784,617,216
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		80,275,177,353	35,750,861,444
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6,539,089,094)	(2,966,244,228)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2,019	1,267
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2,019	1,267

* Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh BCTC hợp nhất

Người lập biểu
Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng
Tôn Thị Thiện An

Chủ tịch HĐQT
Lê Vĩnh Sơn

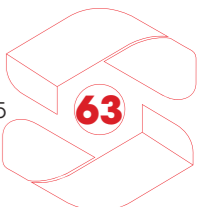


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
I. Lưu chuyển tiền từ	01			
hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế			96,667,043,159	44,266,029,993
2. Điều chỉnh cho các khoản:			60,804,662,113	43,032,266,503
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5,691,704,513	3,187,521,253
- Các khoản dự phòng	03		737,321,550	756,347,095
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1,181,050,091)	(1,735,903,195)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		64,574,899,675	72,484,265,559
- Chi phí lãi vay	06	VI.6		
- Các khoản điều chỉnh khác	07			161,990,527,208
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		227,294,580,919	161,990,527,208
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(69,143,173,169)	(84,884,598,879)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16,399,384,603)	(52,008,718,024)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(159,392,259,106)	49,950,839,511
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5,733,519,872	(227,315,301)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(64,687,339,277)	(72,735,561,686)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(21,838,636,768)	(9,385,508,670)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.24	702,716,740	389,493,221
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.24	(506,760,157)	(905,261,484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(98,236,735,549)	(7,816,104,104)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(180,584,763,698)	(75,920,126,799)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			3,509,090,909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,640,000,000)	(1,500,000,000)

* Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh BCTC hợp nhất



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38,159,234,915	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30,000,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19,140,510,101	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,920,000,000	720,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(172,005,018,682)	(73,191,035,890)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		192,214,670,000	34,798,438,700
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,040,174,028,685	1,587,875,667,588
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,004,342,820,678)	(1,464,851,086,096)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1,086,427,000)	(1,440,200,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20,696,797,800)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		206,262,653,207	156,382,820,192
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(63,979,101,024)	75,375,680,198
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	98,149,078,360	22,781,586,869
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22,133,243)	(8,188,707)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	34,147,844,093	98,149,078,36

* Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh BCTC hợp nhất

Người lập biểu
Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng
Tôn Thị Thiện An

Chủ tịch HĐQT
Lê Vĩnh Sơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí; cho thuê mặt bằng, trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

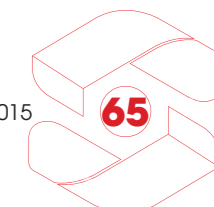
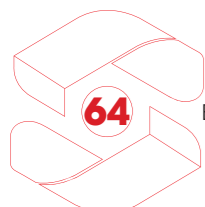
Trong năm, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam và Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An với tỷ lệ góp vốn là 100% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn là mở rộng hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Ngày 21 tháng 10 năm 2015 Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai.

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

Tài sản	Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.365.528.049
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.359.489.899
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.639.162.943
Phải thu ngắn hạn khác	342.987.814
Hàng tồn kho	376.343.799
Chi phí trả trước ngắn hạn	12.918.030.292
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	99.000
Phải thu dài hạn khác	3.953.416.395
	70.000.000



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	
Tài sản cố định hữu hình	24.220.160.851
Nguyên giá	24.789.789.314
Giá trị hao mòn lũy kế	(569.628.463)
Chi phí trả trước dài hạn	6.485.837.056
Nợ phải trả	(47.097.100.747)
Phải trả người bán ngắn hạn	(17.799.636.432)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(2.570.914.380)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(690.705)
Phải trả người lao động	(10.629.087)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(1.241.770.490)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	(166.755)
Phải trả ngắn hạn khác	(6.835.237.489)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(18.638.055.409)
Tài sản thuần	10.268.427.302
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	
Tài sản thuần của Tập đoàn	10.268.427.302
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	100%
Tài sản thuần chuyển nhượng	10.268.427.302

Lỗ liên quan đến thoái vốn tại công ty con như sau:

Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	
Giá chuyển nhượng	10.000.000.000
Giá trị còn lại của chênh lệch đánh giá lại tài sản	10.268.427.302
Lợi thế thương mại chưa được phân bổ	
Lãi/(Lỗ) liên quan đến khoản được phân loại từ vốn chủ sở hữu do mất quyền kiểm soát	
Lãi/(Lỗ) thoái vốn	268.427.302
Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai:	
Thu bằng tiền	10.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	7.359.489.899
Tiền thu thuần	2.640.510.101

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	71,13%	71,13%	71,13%	71,13%
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc từ Liêm, thành phố Hà Nội	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc từ Liêm, thành phố Hà Nội	100%		100%	
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%		100%	
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, luyện kim, đúc thép, cuộn cán thép, sản xuất và mua bán ống thép các loại		100%		100%

5c. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn có trụ sở chính tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, ống công nghiệp, ống trang trí. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 30% (số đầu năm là 30%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.253 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.132 nhân viên).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

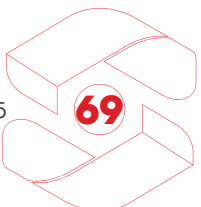
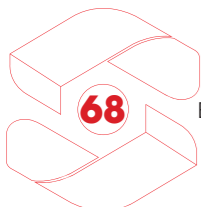
3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn 6.6 có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ¹¹

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Loại tài sản cố định
Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Số năm
10

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 – 8 năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.444.375.383	5.388.125.450
Tiền gửi ngân hàng (*)	30.703.468.710	92.760.952.910
Cộng	34.147.844.093	98.149.078.360
(*) Trong đó: Tiền gửi bị phong tỏa		717.244.456

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	54.000.000.000	13.376.291.655	67.376.291.655	24.000.000.000	6.867.888.859	30.867.888.859
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱⁱ⁾				15.000.000.000		15.000.000.000
Cộng	54.000.000.000	13.376.291.655	67.376.291.655	39.000.000.000	6.867.888.859	45.867.888.859

⁽ⁱ⁾ Trong năm Tập đoàn đã mua thêm 3.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn với giá mua là 30.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 5.400.000 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (số đầu năm là 2.400.000 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ).

⁽ⁱⁱ⁾ Tập đoàn đã chuyển nhượng vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng với giá chuyển nhượng bằng giá gốc.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức được chia trong năm	Giá trị phần chuyển nhượng	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	30.867.888.859	30.000.000.000	8.410.299.121	(1.920.000.000)		18.103.675	67.376.291.655
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	15.000.000.000				(15.000.000.000)		
Cộng	45.867.888.859	30.000.000.000	8.410.299.121	(1.920.000.000)	(15.000.000.000)	18.103.675	67.376.291.655

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)		
Bán hàng hóa, thành phẩm cho Sơn Hà Sài Gòn	251.997.989.535	263.443.874.363
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa của Sơn Hà Sài Gòn	6.680.571.609	12.680.882.571
Sơn Hà Sài Gòn thanh toán tiền cổ tức	1.920.000.000	720.000.000
Chuyển nhượng vốn góp vào Sơn Hà - Chu Lai cho Sơn Hà Sài Gòn	10.000.000.000	
Góp vốn vào Sơn Hà Sài Gòn	30.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng (Kiến Hưng)		
Lãi cho Kiến Hưng vay		614.117.380
Cho Kiến Hưng vay vốn		1.500.000.000
Kiến Hưng thanh toán tiền vay cho Công ty	27.409.235.035	
Bù trừ tiền cho vay và phí quản lý phải trả Kiến Hưng	749.999.880	

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Một phần cổ phiếu của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (2.320.000 cổ phiếu trong tổng số 5.400.000 cổ phiếu) đang cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây. Các quyền lợi phát sinh từ cổ phiếu này cũng sẽ bị cầm cố.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Bất động sản Havico	2.710.000.000		2.710.000.000	
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam (i)			1.500.000.000	
Cộng	2.710.000.000		4.210.000.000	

Giá trị hợp lý
Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	94.431.999.815	140.447.353.717
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	8.744.083.645	98.115.371.539
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam	32.237.196.682	650.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	16.882.815.215	42.331.332.178
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	36.567.904.273	
Phải thu các khách hàng khác	310.176.463.041	180.483.277.071
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	34.295.566.998	28.468.554.420
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	67.052.316.569	
Các khách hàng khác	208.828.579.474	152.014.722.651
Cộng	404.608.462.856	320.930.630.788

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan		
Trả trước cho người bán khác	12.531.169.959	36.382.806.996
Haining Fu Jiang IMP&EXP Co.,Ltd	1.491.894.084	
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Gia Lâm	871.244.520	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Phát triển nguồn nhân lực VIGECAM		8.197.235.200
Vinodrai Engineers Pvt. Ltd		4.088.483.840
Công ty Cổ phần Quốc tế Inox Hòa Bình		3.647.607.264
Các nhà cung cấp khác	10.168.031.355	20.449.480.692
Cộng	12.531.169.959	36.382.806.996

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	16.572.723.182	36.051.389.479
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng vay		28.159.234.915
Cho Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay với lãi suất bằng bình quân lãi vay ngắn hạn các ngân hàng mà Công ty đi vay	8.532.723.182	7.892.154.564
Cho Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay với lãi suất 0%	8.040.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.600.000.000	
Cá nhân khác	2.600.000.000	
Cộng	19.172.723.182	36.051.389.479

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	28.356.168.203		37.751.612.782	
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam - Tiền thuê xe	155.711.753		104.450.153	
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam - Phải thu tiền phạt	1.400.563.067			
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam - Phải thu tiền bảo hiểm	1.165.530.754			
Hội đồng quản trị - tiền tạm ứng	25.634.362.629		37.647.162.629	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	18.106.434.404	(442.059.701)	17.113.404.521	(76.546.801)
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	211.902.035		306.454.380	
Phải thu tiền bồi thường, hỗ trợ đất tại KCN Nhà máy Phùng	672.952.000		1.681.400.000	
Tiền tạm ứng	13.960.037.994		6.196.694.291	
Ký cược, ký quỹ	770.431.107		7.936.967.644	
Tiền lãi cho vay	370.338.890			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.120.772.378	(442.059.701)	991.888.206	(76.546.801)
Cộng	46.462.602.607	(442.059.701)	54.865.017.303	(76.546.801)

6b. Phải thu dài hạn khác Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan Các tổ chức và cá nhân khác		10.409.587.371	4.203.167.067		16.489.718.123	6.376.800.669
Phải thu tiền bán hàng		9.183.550.504	4.201.996.043		7.702.094.074	3.555.043.635
Thái Nguyên - Đại lý Lăng Thịnh (Công ty TNHH Thái Hòa)	6 tháng đến dưới 1 năm	1.016.578.621	711.605.037			
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu kim loại Việt	2 năm đến dưới 3 năm	3.540.903.520	1.770.451.762	1 năm đến dưới 2 năm	3.540.903.520	1.770.451.760
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	2 năm đến dưới 3 năm	1.891.351.348	945.675.676	1 năm đến dưới 2 năm	1.891.351.348	945.675.674
Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Sinh Tài - CN				2 năm đến dưới 3 năm	823.157.075	411.578.537
Khách hàng khác	6 tháng đến dưới 1 năm	646.662.778	452.663.945			
Khách hàng khác	1 năm đến dưới 2 năm	643.199.246	321.599.623	1 năm đến dưới 2 năm	470.225.400	235.112.700
Khách hàng khác	2 năm đến dưới 3 năm			2 năm đến dưới 3 năm	640.749.881	192.224.964
Khách hàng khác	trên 3 năm	1.444.854.991		trên 3 năm	335.706.850	
Trả trước cho người bán		200.000.000			8.397.235.200	2.598.617.600
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Phát triển nguồn nhân lực Vigecam	2 năm đến dưới 3 năm			2 năm đến dưới 3 năm	8.197.235.200	2.598.617.600
Người bán khác	trên 3 năm	200.000.000		trên 3 năm	200.000.000	
Các khoản khác	6 tháng đến dưới 1 năm			6 tháng đến dưới 1 năm	313.842.048	223.139.434
Các khoản khác	1 năm đến dưới 2 năm	2.342.048	1.171.024			
Các khoản khác	trên 3 năm	1.023.694.819		trên 3 năm	76.546.801	
Cộng		10.409.587.371	4.203.167.067		16.489.718.123	6.376.800.669

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(10.112.917.454)		(10.112.917.454)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.168.883.284)		(2.168.883.284)
Hoàn nhập dự phòng	6.075.380.434		6.075.380.434
Số cuối năm	(6.206.420.304)		(6.206.420.304)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho	201.308.028	
Tài sản khác	582.806.142	582.806.142
Cộng	784.114.170	582.806.142

9. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	40.879.604.811		62.859.343.446	
Nguyên liệu, vật liệu	347.008.807.166	(9.598.201.663)	376.907.503.654	
Công cụ, dụng cụ	8.248.896.761	7.444.169.672		
Thành phẩm	188.536.733.268	134.267.201.009		
Hàng hóa		52.838.390.500	39.634.830.122	
Cộng	637.512.432.506	(9.598.201.663)	621.113.047.903	

Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp để bảo đảm các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đống Đa như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	214.140.824.075	
Thành phẩm		131.763.514.670
Hàng hóa		36.770.001.496
Cộng	214.140.824.075	168.533.516.166

10. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	616.424.831	494.524.027
Công cụ dụng cụ	566.636.346	596.739.456
Chi phí quảng cáo	1.292.617.761	1.398.221.413
Chi phí thuê nhà	2.402.829.301	3.870.957.125
Chi phí khác	717.009.828	1.118.841.129
Cộng	5.595.518.067	7.479.283.150

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	8.244.670.319	5.109.005.494
Phí thuê nhà, mặt bằng	130.000.000	64.433.327
Sửa chữa thiết bị, văn phòng	5.691.689.652	4.562.297.012
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	3.772.428.907	4.105.762.243
Chi phí quảng cáo, khánh tiết, tiếp thị		1.033.056.056
Chi phí lắp đặt nội thất	54.389.016	727.654.496
Các chi phí khác	19.707.805	826.842.347
Cộng	17.912.885.699	16.429.050.975

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

11. Tài sản cố định hữu hình

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	CỘNG
Nguyên giá						
Số đầu năm	181.300.720.664	276.239.634.218	41.843.903.784	45.871.555.971	1.387.337.406	546.643.152.043
Mua sắm mới	6.437.372.212	33.331.171.112	20.323.371.814	275.215.455		60.367.130.593
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	31.448.930.191	34.169.838.633	4.662.720.000	4.112.734.952	627.205.525	75.021.429.301
Mua lại tài sản thuê tài chính			2.060.313.274			2.060.313.274
Thanh lý, nhượng bán	(7.490.445.724)	(130.927.650)	(2.426.945.238)	(1.351.311.963)		(11.399.630.575)
Phân loại sang CCDC	(1.858.654.442)	(3.748.797.458)		(708.500.000)		(6.315.951.900)
Thoái vốn tại công ty con	(13.490.195.355)	(9.145.308.618)		(1.527.079.816)	(627.205.525)	(24.789.789.314)
Số cuối năm	196.347.727.546	330.715.610.237	66.463.363.634	46.672.614.599	1.387.337.406	641.586.653.422
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		34.535.625.310	3.490.503.413	2.173.015.101		40.199.143.824
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	29.918.751.180	141.906.978.187	15.885.121.008	16.710.828.530	116.736.557	204.538.415.462
Khấu hao trong năm	8.639.703.190	32.283.423.751	5.281.817.785	5.422.463.585	81.322.326	51.708.730.637
Mua lại tài sản thuê tài chính			805.781.066			805.781.066
Thanh lý, nhượng bán	(748.265.863)	(27.436.050)	(1.510.545.800)	(173.226.324)		(2.459.474.037)
Phân loại sang CCDC	(324.887.164)	(622.050.224)		(35.424.999)		(982.362.387)
Thoái vốn tại công ty con	(167.521.051)	(300.179.271)		(81.511.011)	(20.417.130)	(569.628.463)
Số cuối năm	37.317.780.292	173.240.736.393	20.462.174.059	21.843.129.781	177.641.753	253.041.462.278
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	151.381.969.484	134.332.656.031	25.958.782.776	29.160.727.441	1.270.600.849	342.104.736.581
Số cuối năm	159.029.947.254	157.474.873.844	46.001.189.575	24.829.484.818	1.209.695.653	388.545.191.144
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 190.656.741.824 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng thương mại.

12. Tài sản cố định thuê tài chính

Là phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.944.173.272	834.375.490	5.109.797.782
Tăng trong năm	3.000.000	457.263.256	3.000.000
Giảm trong năm			(457.263.256)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(2.060.313.274)	(805.781.066)	(1.254.532.208)
Số cuối năm	3.886.859.998	485.857.680	3.401.002.318

Theo hợp đồng thuê tài sản số 50/2014/TSC-CTTC ngày 05 tháng 8 năm 2014, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.160.608.991	7.194.419.423	18.355.028.414
Mua sắm mới		106.900.000	106.900.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành		633.000.000	633.000.000
Số cuối năm	11.160.608.991	7.934.319.423	19.094.928.414
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.845.628.130	3.267.102.150	5.112.730.280
Khấu hao trong năm	237.459.768	801.976.233	1.039.436.001
Số cuối năm	2.083.087.898	4.069.078.383	6.152.166.281
Giá trị còn lại	9.077.521.093		
Số đầu năm	9.314.980.861	3.927.317.273	13.242.298.134
Số cuối năm	9.077.521.093	3.865.241.040	12.942.762.133
Trong đó: Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.077.521.093 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng thương mại

14. Bất động sản đầu tư

Là nhà và quyền sử dụng đất mua trong năm.
Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa tìm được công ty định giá phù hợp để thực hiện công việc này.
Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế/ Tồn thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Biệt thự Vân Canh	10.445.000.000		10.445.000.000

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	4.010.670.380	23.397.000.000	(4.010.670.380)	23.397.000.000
Tài sản khác	3.377.670.380		(3.377.670.380)	
Bản quyền sử dụng phần mềm tính lương	633.000.000		(633.000.000)	
Biệt thự Vân Canh		23.397.000.000		23.397.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	19.832.190.591	90.731.120.463	(71.580.260.537)	38.983.050.517
Dự án dây chuyền sản xuất bình nước nóng		29.021.662.866		29.021.662.866
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm		4.750.000.000		4.750.000.000
Xây dựng siêu thị	10.807.579.657	36.528.891.566	(47.336.471.223)	
Công trình nhà máy Sơn Hà - Chu Lai	9.004.890.934	15.238.898.380	(24.243.789.314)	
Công trình nhà máy Sơn Hà - Nghệ An		4.953.930.909		4.953.930.909
Dự án khác	19.720.000	237.736.742		257.456.742
Sửa chữa lớn tài sản cố định	63.498.384	147.301.267	(63.498.384)	147.301.267
Cộng	23.906.359.355	114.275.421.730	(75.654.429.301)	62.527.351.784

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 29.021.662.866 VND để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng thương mại.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

16. Lợi thế thương mại

Khoản lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	75.992.322.185	24.810.004.712	51.182.317.473
Phân bổ trong năm		7.599.232.219	
Giảm trong năm			(7.599.232.219)
Số cuối năm	75.992.322.185	32.409.236.931	43.583.085.254

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	842.273.958	16.804.531.683
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	55.698.017	
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	771.960.252	
Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn	14.615.689	23.397.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	153.564.274.539	90.731.120.463
JINDAL STAINLESS LIMITED	2.311.477.000	29.021.662.866
Công ty TNHH POSCO VST	52.399.603.011	4.750.000.000
Công ty TNHH Trung tâm gia công POSCO Việt Nam (POS-CO-VHPC)	59.631.761.672	22.537.538.153
Các nhà cung cấp khác	39.221.432.856	109.767.141.259
Cộng	154.406.548.497	303.473.624.089

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	105.679.636	16.804.531.683
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	105.679.636	
Trả trước của các khách hàng khác	7.835.142.316	8.550.452.090
Đại lý Hiền Bình	1.221.635.102	
Rico steel	881.920.819	
Artika for Living Inc	1.094.104.521	983.538.346
Carbinox Industria e Comercio Ltda		1.108.246.872
Đại lý Hà Lan		811.908.518
Công ty Đầu tư Phát triển Nhà Gia Bảo		974.618.182
Các khách hàng khác	4.637.481.874	4.672.140.172
Cộng	7.940.821.952	8.550.452.090

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác (ii)	Thoái vốn tại công ty con	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.936.956.924	23.666.742.090	(16.041.824.669)			10.561.874.345
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (i)		59.462.629.949	(59.520.379.806)			(57.749.857)
Thuế xuất, nhập khẩu (i)	(333.271.770)	8.931.326.373	(9.631.445.396)			(1.033.390.793)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.313.274.702	22.930.954.900	(21.838.636.768)			3.405.592.834
Thuế thu nhập cá nhân	114.966.547	1.875.126.056	(1.767.583.501)		(690.705)	221.818.397
Thuế nhà đất		72.970.532	(72.970.532)			-
Tiền thuê đất		3.313.828.950	(467.389.158)	(1.008.448.000)		1.837.991.792
Các loại thuế khác	85.343.149	43.874.995	(120.802.355)			8.415.789
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		319.786.979	(319.786.979)			-
Cộng	5.117.269.552	120.617.240.824	(109.780.819.164)	(1.008.448.000)	(690.705)	14.944.552.507

(i) Số cuối năm là thuế nộp trước khi nhận hàng.
(ii) Giảm do hỗ trợ của Cục thuế thành phố Hà Nội

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai đang được hưởng ưu đãi với thuế suất ưu đãi là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với mức 33.836 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với mức 22.510 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		
Chi phí hàng khuyến mại	3.191.803.506	8.015.891.070
Chi phí lãi vay phải trả	928.421.900	1.040.861.502
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	969.539.423	872.021.496
Cộng	5.089.764.829	9.928.774.068

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

21a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan		
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	781.723.493	903.808.074
Tiền cho thuê mặt cơ sở hạ tầng	781.438.908	858.711.635
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	928.421.900	1.040.861.502
Cộng	781.723.493	903.808.074

21b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan		
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	781.723.493	903.808.074
Tiền cho thuê mặt cơ sở hạ tầng	781.438.908	858.711.635
Cộng	29.691.654.173	30.473.093.081

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.667.043.159	44.266.029.993
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	8.391.008.017	8.642.209.903
- Các khoản điều chỉnh tăng	30.992.783.034	18.446.123.392
Chi phí không được trừ	3.570.441.952	1.656.187.878
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản phải thu	64.234.269	8.188.707
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	156.778.732	1.026.598
Lỗi trong Công ty con	19.602.095.862	9.181.487.990
Lợi thế thương mại	7.599.232.219	7.599.232.219
Các khoản điều chỉnh giảm	(22.601.775.017)	(9.803.913.489)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu		(164.967.439)
Lãi trong Công ty liên kết	(6.490.299.121)	(2.330.501.144)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư vào Công ty con	(16.111.475.896)	(7.308.444.906)
Thu nhập chịu thuế	105.058.051.176	52.908.239.896
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(1.920.000.000)	(720.000.000)
Thu nhập tính thuế	103.138.051.176	52.188.239.896
Thu nhập tính theo thuế suất phổ thông	102.869.623.874	52.188.239.896
Thu nhập hưởng ưu đãi thuế	268.427.302	
Thuế suất phổ thông	22%	22%
Thuế suất ưu đãi	10%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	22.658.159.982	11.481.412.777
Hoạt động không được hưởng ưu đãi	22.631.317.252	11.481.412.777
Hoạt động được hưởng ưu đãi	26.842.730	
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(26.842.730)	
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	299.637.648	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	22.930.954.900	11.481.412.777

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

22a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.025.792.995	1.425.500.004
Tài sản thừa chờ giải quyết	82.846.267	50.813.825
Kinh phí công đoàn	512.401.681	454.064.954
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	186.539.516	724.959.827
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	244.005.531	195.661.398
Cộng	1.025.792.995	1.425.500.004

22b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	6.170.955.700	12.122.102.965
Nhận ký quỹ, ký cược	6.170.955.700	2.822.102.965
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị Kiến Hưng		9.300.000.000
Cộng	6.170.955.700	12.122.102.965

22c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	6.637.782.658	5.353.011.000
Vay Hội đồng quản trị không tính lãi	6.637.782.658	5.353.011.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	763.396.881.765	727.358.849.924
Vay ngắn hạn ngân hàng	693.821.758.153	685.569.048.960
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	198.030.869.575	224.098.795.713
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	203.549.743.966	220.174.193.797
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (iii)		38.894.628.590
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (iv)	173.108.497.256	202.401.430.860
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (v)	49.974.856.140	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (v i)	69.157.791.216	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	68.675.123.612	40.703.373.964
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	1.869.095.612	1.199.555.247
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	1.291.040.000	1.291.040.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam		3.678.791.541
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa		1.161.121.176
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	742.250.000	742.250.000
- Chi nhánh Hà Tây	59.543.024.000	32.430.616.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	2.568.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	2.611.714.000	
Đối tượng khác	50.000.000	200.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23b)	900.000.000	1.086.427.000
Cộng	770.034.664.423	732.711.860.924

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/147831/HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung ngày 05 tháng 11 năm 2014, hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2015/147831/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015, dư nợ vay tối đa là 320.000.000.000 VND, mục đích vay là để cấp bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán và mở L/C.

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT128-SONHA tháng 11 năm 2014, hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT128-SONHA ngày 20 tháng 11 năm 2015, dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 250.000.000.000 VND, được bảo đảm bằng thế chấp tài sản gắn liền với đất và quyền đòi nợ bán hàng.

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 28.14.058.588663.TD ngày 03 tháng 6 năm 2014, doanh số cho vay tối đa 150.000.000.000 VND, trong đó dư nợ tối đa tại mọi thời điểm là 100.000.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(iv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/147831/HĐTD ngày 28 tháng 4 năm 2014, sửa đổi ngày 26 tháng 5 năm 2015, hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/147831/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015, hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ vay tối đa là 300.000.000.000 VND.

(v) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0704/2015/HĐHM/PVB-KHDN-CNBN ngày 22 tháng 4 năm 2015, hạn mức 10.000.000 USD bao gồm hạn mức cho vay và hạn mức mở L/C, dư nợ cho vay tối đa 150.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, hạn mức phát hành thư tín dụng (L/C trả ngay hoặc trả chậm tối đa 180 ngày) là 10.000.000 USD, thời hạn vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân.

(vi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 150046/NHNTHD ngày 24 tháng 4 năm 2015 với hạn mức 80.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích vay bổ sung vốn lưu động

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	685.569.048.960	5.353.011.000	40.703.373.964	1.086.427.000	732.711.860.924
Tiền vay phát sinh trong năm	1.940.762.184.765	13.318.617.528			1.954.080.802.293
Số kết chuyển			68.495.633.084	900.000.000	69.395.633.084
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	45.802.767				45.802.767
Tiền vay đã trả trong năm	(1.932.555.278.339)	(12.033.845.870)	(40.523.883.436)	(1.086.427.000)	(1.986.199.434.645)
Số cuối năm	693.821.758.153	6.637.782.658	68.675.123.612	900.000.000	770.034.664.423

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan		
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	99.332.590.118	119.540.984.571
Vay dài hạn ngân hàng	97.835.085.118	117.093.479.571
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (i)	26.462.621.151	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	55.822.703.281	102.632.145.036
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (iii)	159.062.500	6.486.492.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long (iv)	3.873.120.000	5.164.160.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (v)	3.288.257.686	2.810.682.535
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (vi)	8.229.320.500	
Vay dài hạn tổ chức khác		50.000.000
Vay Quỹ bảo vệ môi trường		50.000.000
Nợ thuê tài chính	1.497.505.000	2.397.505.000
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - thuê tài sản là xe ô tô	1.497.505.000	2.397.505.000
Cộng	99.332.590.118	119.540.984.571

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo 02 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDDTDDDA/NHCT128-SONHA ngày 15 tháng 4 năm 2015, số tiền vay là 23.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư dây chuyền chày rửa cao cấp, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và không có thời gian ân hạn, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất chày rửa cao cấp.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HDDTDDDA/NHCT128-SONHA ngày 31 tháng 08 năm 2015 với số tiền vay là 31.100.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, mục đích vay là đầu tư Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm bình nước nóng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án này.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo ba (3) Hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 22 tháng 6 năm 2012, số tiền vay là 79.800.000.000 VND với mục đích là cơ cấu tài chính để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 54 tháng, ân hạn gốc vay tối đa đến ngày 25 tháng 3 năm 2013, lãi suất theo quy định về lãi suất tại thời điểm giải ngân. Lãi vay được trả theo kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 4.547.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, thế chấp và bảo lãnh bằng tài sản là quyền sở hữu tòa nhà và quyền khai thác toàn bộ tài sản trên đất tại Trung tâm Thương mại Hà Đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2014/147831/HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2014, số tiền vay là 15.000.000.000 VND bao gồm cả VND và ngoại tệ với mục đích đầu tư máy móc thiết bị sản xuất Inox và phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, ân hạn gốc vay đến ngày 25 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay VND là 12%, USD là 6,5% và được điều chỉnh mỗi quý 01 lần.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Hà Tây để cải tạo, nâng cấp Trung tâm thương mại Hà Đông với lãi suất 16,5% và được điều chỉnh hàng quý, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn trả nợ gốc tối đa 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng lợi thế thương mại quyền sử dụng đất và giá trị toàn nhà Trung tâm thương mại Hà Đông; các máy móc thiết bị, tài sản cố định được đầu tư cho hoạt động kinh doanh siêu thị bán lẻ, kinh doanh cho thuê thương mại của Bên thế chấp tại trung tâm thương mại Hà Đông theo dự án “cải tạo, nâng cấp trung tâm thương mại Hà Đông; toàn bộ các chi phí khác để hình thành nên toàn nhà Trung tâm thương mại Hà Đông và để hoạt động kinh doanh siêu thị, kinh doanh cho thuê thương mại. Tổng giá trị tài sản được định giá là 240.200.000.000 VND

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 559.12.011.588663. TD ngày 04 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 2.545.000.000 VNĐ, mục đích là thanh toán tiền mua 8 xe ô tô ISUZU dạng cabin classic, tải trọng 1,9 tấn theo Hợp đồng mua bán số 71/HĐMB/ISUZU/SH ký ngày 01 tháng 11 năm 2012 giữa Bên vay và Công ty TNHH Kinh doanh ô tô NISU, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe ô tô hình thành từ vốn vay.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số T11014015/HĐTD-LienVietPostBankTL ngày 23 tháng 10 năm 2014 với hạn mức 10.000.000.000 VND, mục đích vay là mua ô tô phục vụ cho sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận tiền vay, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn, trả gốc 3 tháng/lần, trả lãi hàng tháng, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 02/2014/147831/HĐTD ngày 25 tháng 9 năm 2014 với mục đích mua máy móc thiết bị để sản xuất sản phẩm mới là máy lọc nước RO, thời hạn 60 tháng kể từ ngày rút khoản vay

vốn đầu tiên, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn, trả lãi hàng tháng.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo 02 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 150010/NHNTTD ngày 02 tháng 02 năm 2015 với số tiền vay là 5.128.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, mục đích là mua xe ô tô cho Dự án đầu tư phương tiện vận tải, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt bằng 140% lãi suất trong hạn, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 150026/NHNTTD ngày 20 tháng 03 năm 2015 với số tiền vay là 5.011.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, mục đích là mua xe ô tô tải cho Dự án đầu tư phương tiện vận tải, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt bằng 140% lãi suất trong hạn, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	166.510.208.730	68.675.123.612	97.835.085.118	
Nợ thuê tài chính	2.397.505.000	900.000.000	1.497.505.000	
Cộng	168.907.713.730	99.332.590.118	69.575.123.612	
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	157.796.853.535	40.703.373.964	117.093.479.571	
Nợ thuê tài chính	3.483.932.000	1.086.427.000	2.397.505.000	
Cộng	161.280.785.535	41.789.800.964	119.490.984.571	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	900.000.000	1.497.505.000		2.397.505.000
Lãi thuê phải trả				
Nợ thuê tài chính phải trả	900.000.000	1.497.505.000		2.397.505.000
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	1.086.427.000	2.397.505.000		3.483.932.000
Lãi thuê phải trả				
Nợ thuê tài chính phải trả	1.086.427.000	2.397.505.000		3.483.932.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức khác	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	117.093.479.571	50.000.000	2.397.505.000	119.540.984.571
Số tiền vay phát sinh trong năm	86.093.226.392			86.093.226.392
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	961.880.681			961.880.681
Số tiền vay đã trả trong năm	(19.229.813.033)			(19.229.813.033)
Số kết chuyển	(68.445.633.084)	(50.000.000)	(900.000.000)	(69.395.633.084)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(18.638.055.409)			(18.638.055.409)
Số cuối năm	97.835.085.118		1.497.505.000	99.332.590.118

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	202.239.287	357.508.614	702.716.740	(506.760.157)	755.704.484
Quỹ phúc lợi	25.030.500				25.030.500
Cộng	227.269.787	357.508.614	702.716.740	(506.760.157)	780.734.984

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)	8.834.294.963	27.759.777.771	363.264.831.386
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	70.000.000.000	(35.000.000.000)				35.000.000.000
Chi phí phát hành		(201.561.300)				(201.561.300)
Lợi nhuận trong năm trước					35.750.861.444	35.750.861.444
Trích lập các quỹ				593.364.166	(632.921.777)	(39.557.611)
Thù lao Hội đồng quản trị					(208.800.000)	(208.800.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi của Sơn Hà Sài Gòn					(16.565.876)	(16.565.876)
Số dư cuối năm trước	337.107.230.000	33.846.427.352	(9.484.460.000)	9.427.659.129	62.652.351.562	433.549.208.043
Số dư đầu năm nay	337.107.230.000	33.846.427.352	(9.484.460.000)	9.427.659.129	62.652.351.562	433.549.208.043
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	210.000.000.000	(15.000.000.000)				195.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu		(2.785.330.000)				(2.785.330.000)
Lợi nhuận trong năm					80.275.177.353	80.275.177.353
Trích lập các quỹ				2.145.051.687	(2.502.560.301)	(357.508.614)
Chia cổ tức					(20.696.797.800)	(20.696.797.800)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty mẹ					(1.940.760.000)	(1.940.760.000)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Sơn Hà - Sài Gòn					(30.505.011)	(30.505.011)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi của Sơn Hà Sài Gòn					82.800.000	82.800.000
Thoái vốn tại công ty con					(268.427.302)	(268.427.302)
Tăng khác					131.408.686	131.408.686
Số dư cuối năm nay	547.107.230.000	16.061.097.352	(9.484.460.000)	11.572.710.816	117.537.087.187	682.793.665.355

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Văn Ngà			25.680.000.000	7,62%
Ông Lê Vĩnh Sơn	100.900.000.000	18,44%	62.067.020.000	18,41%
Ông Lê Hoàng Hà	79.580.000.000	14,55%	48.950.000.000	14,52%
Vietnam Holding Asset Management Ltd.	37.279.160.000	6,81%		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sao Vàng			40.000.000.000	11,87%
Các cổ đông khác	329.348.070.000	60,20%	160.410.210.000	47,58%
Cộng	547.107.230.000	100,00%	337.107.230.000	100,%

Trong năm Công ty đã chào bán 21.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 17 tháng 4 năm 2015. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 21.000.000 cổ phiếu. Ngày 18 tháng 11 năm 2015 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 547.107.230.000 VND.

25c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.710.723	33.710.723
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	54.710.723	33.710.723
- Cổ phiếu phổ thông	54.710.723	33.710.723
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	716.060	716.060
-Cổ phiếu phổ thông	716.060	716.060
-Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
-Cổ phiếu phổ thông	53.994.663	32.994.663
-Cổ phiếu ưu đãi	53.994.663	32.994.663

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

25d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VNĐ
Chia cổ tức cho các cổ đông (300 đồng/cổ phiếu)	9.898.398.900
Trích quỹ đầu tư phát triển	2.145.051.687
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	357.508.614

Ngoài ra, Công ty mẹ cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền 10.798.398.900 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015

26. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.222.519.512	13.188.763.740
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(6.539.089.094)	(2.966.244.228)
Số cuối năm	3.683.430.418	10.222.519.512

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

27a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	57.732,35	289.935,06
Euro (EUR)	868,67	877,44

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	157.606.253.709	165.137.674.574
Doanh thu bán thành phẩm	2.054.908.179.996	1.784.377.429.147
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.711.021.417	86.729.537.209
Cộng	2.308.225.455.122	2.036.244.640.930

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2a, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (Năng lượng Sơn Hà)		
Cung cấp dịch vụ cho Năng lượng Sơn Hà	67.451.553.635	79.689.947.860
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.389.939.198	1.171.283.753
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai (Sơn Hà - Chu Lai)		
Bán hàng hóa, thành phẩm cho Sơn Hà - Chu Lai	30.349.603.228	
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam (Hiway)		
Cho Hiway thuê mặt bằng	61.094.922.764	56.869.476.531

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	87.663.285.747	38.949.371.625
Hàng bán bị trả lại	2.383.565.827	192.491.185
Giảm giá hàng bán	1.020.516.175	3.085.777.184
Cộng	91.067.367.749	42.227.639.994

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	95.186.004.324	99.711.659.737
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.695.457.047.350	1.539.075.060.606
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	76.488.396.128	62.646.263.812
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.598.201.663	
Cộng	1.876.729.649.465	1.701.432.984.155

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	333.735.743	174.635.009
Lãi tiền cho vay	1.010.907.508	1.286.287.938
Cổ tức	1.920.000.000	720.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.278.150.416	1.925.483.554
Doanh thu tài chính khác	110.256.777	7.980.000
Cộng	6.653.050.444	4.114.386.501

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	64.574.899.675	72.484.265.559
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	14.506.622.905	3.535.072.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	737.321.550	756.347.095
Chiết khấu thanh toán	3.424.460.990	810.934.904
Chi phí tài chính khác	62.341.569	85.133.626
Cộng	83.305.646.689	77.671.753.840

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	56.081.398.781	39.478.451.892
Chi phí vật liệu, bao bì	1.070.256.680	1.177.224.828
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.925.445.980	1.009.523.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.910.916.973	2.553.785.240
Chi phí bảo hành	1.806.657.032	2.367.108.619
Chi phí xăng dầu	9.030.529.032	14.646.350.132
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	14.580.312.886	28.245.630.043
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	17.017.498.602	28.267.000.176
Các chi phí khác	20.512.105.163	16.313.165.587

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.375.421.846	12.157.045.093
Chi phí vật liệu quản lý	601.991.756	714.314.047
Chi phí đồ dùng văn phòng	725.092.760	701.107.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.445.166.968	3.240.851.290
Thuế, phí và lệ phí	413.413.032	4.395.680.523
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(3.906.497.150)	3.187.521.253
Chi phí thanh toán, mở LC	3.222.481.817	3.030.460.106
Các chi phí khác	24.837.221.065	20.379.826.829
Cộng	43.714.292.094	47.806.806.189

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	114.221.082	174.635.009
Thu nhập từ hỗ trợ lãi suất của nhà nước	7.270.376.552	4.787.418.011
Thu nhập khác	1.537.485.950	573.446.645
Cộng	8.807.862.502	5.475.085.738

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.240.156.538	270.384.743
Thuế bị phạt, bị truy thu	391.864.516	297.387.744
Chi phí bồi thường vi phạm hợp đồng	455.378.000	756.347.095
Phạt chậm nộp tiền thuê đất	15.951.950	810.934.904
Giảm công cụ dụng cụ do thanh lý	3.476.980.579	85.133.626
Chi phí khác	177.215.321	133.388.115
Cộng	12.757.546.904	701.160.602

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	80.275.177.353	35.750.861.444
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(357.508.614)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	80.275.177.353	35.393.352.830
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	39.764.494	27.924.657
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.019	1.267

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.994.663	25.994.663
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 9 năm 2014		1.929.994
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 01 năm 2015	2.847.178	
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 10 năm 2015	3.922.653	
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	39.764.494	27.924.657

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.280 VND xuống còn 1.267 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.247.984.431.864	973.809.264.445
Chi phí nhân công	104.210.461.130	73.843.354.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.205.429.894	43.032.266.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.895.133.270	99.875.244.838
Chi phí khác	77.053.872.251	81.482.630.873
Cộng	1.579.349.328.409	1.272.042.760.679

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chuyển lãi cho vay thành gốc cho vay	640.568.618	1.507.103.497

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng	64.000.000.000	32.500.000.000
Thanh toán tạm ứng	76.012.800.000	32.500.000.000
Cho Công ty vay ngắn hạn	13.318.617.528	22.353.011.000
Công ty trả tiền vay ngắn hạn	12.033.845.870	17.000.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Cho Công ty vay ngắn hạn		2.200.000.000
Công ty trả tiền vay ngắn hạn		2.200.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.23a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	4.013.669.000	2.453.791.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (Năng lượng Sơn Hà)	Chủ tịch HĐQT là Tổng Giám đốc của Năng lượng Sơn Hà
Chủ tịch HĐQT là Tổng Giám đốc của Năng lượng Sơn Hà	Thành viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Hiway
Công ty cổ phần Hiway Việt Nam (Hiway)	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (Năng lượng Sơn Hà)		
Thuê tài sản của Năng lượng Sơn Hà	87.900.000	130.200.000
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa của Năng lượng Sơn Hà	80.168.856.279	83.617.654.662
Tiền chiết khấu Công ty được hưởng	2.267.021.340	2.952.131.522
Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam (Hiway)		
Lãi cho Hiway vay	640.568.618	672.170.558
Chuyển nợ của Hiway thành gốc vay	640.568.618	220.815.559
Cho Hiway vay ngắn hạn	17.200.000.000	5.000.000.000
Hiway thanh toán tiền vay	9.160.000.000	9.100.000.000
Công nợ với các bên liên quan khác		

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.17 và V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn, do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Ngành hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh: Ngành hàng gia dụng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.348.016.999.918	775.357.558.627	93.783.528.828	2.217.158.087.373
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.348.016.999.918	775.357.558.627	93.783.528.828	2.217.158.087.373
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.609.702.437	133.532.805.235	44.350.809.107	214.493.316.779
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(43.714.292.094)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				170.779.024.685
Doanh thu hoạt động tài chính				6.653.050.444
Chi phí tài chính				(83.305.646.689)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				6.490.299.121
Thu nhập khác				8.807.862.502
Chi phí khác				(12.757.546.904)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(22.930.954.900)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				73.736.088.259
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.115.160.238	143.234.854.188	46.973.891.566	191.323.905.992
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.733.808.683	25.503.372.079	25.358.126.346	58.595.307.108
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.204.178.608.316	666.845.402.546	122.992.990.074	1.994.017.000.936
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.204.178.608.316	666.845.402.546	122.992.990.074	1.994.017.000.936
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	67.815.288.975	70.065.252.385	20.645.235.881	158.525.777.241
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(47.806.806.189)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				110.718.971.052
Doanh thu hoạt động tài chính				4.114.386.501
Chi phí tài chính				(77.671.753.840)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				2.330.501.144
Thu nhập khác				5.475.085.738
Chi phí khác				(701.160.602)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(11.481.412.777)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				32.784.617.216
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	38.364.926.177	24.846.866.582	39.560.216.592	102.772.009.351
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.244.173.809	20.299.284.259	26.157.675.417	58.701.133.485

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	416.857.721.410	848.495.183.004	256.409.775.599	1.521.762.680.013
Tài sản phân bổ cho bộ phận	74.957.254.677	33.686.645.441		108.643.900.118
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				155.539.279.801
Tổng tài sản				1.785.945.859.932
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	60.817.125.554	1.560.787.171	243.651.097.325	306.029.010.050
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	85.090.802.248	38.240.777.334		123.331.579.582
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				670.087.429.906
Tổng nợ phải trả				1.099.448.019.538
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	597.475.307.717	464.249.906.766	338.885.253.212	1.400.610.467.695
Tài sản phân bổ cho bộ phận	68.479.600.742	32.676.624.164		101.156.224.906
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				173.753.426.648
Tổng tài sản				1.675.520.119.249
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.142.624.049	3.382.340.844	242.294.139.369	250.819.104.262
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	215.582.587.539	102.870.213.999		318.452.801.538
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				662.476.485.894
Tổng nợ phải trả				1.231.748.391.694

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài. Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	1.976.982.282.373	1.719.777.780.254
Khu vực nước ngoài	240.175.805.000	274.239.220.682
Cộng	2.217.158.087.373	1.994.017.000.936

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	36.051.389.479	(36.051.389.479)		(i)
Phải thu về cho vay ngắn hạn			36.051.389.479	36.051.389.479	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.084.192.739	51.780.824.564	54.865.017.303	(ii)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		582.806.142	582.806.142	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	52.363.630.706	(52.363.630.706)		(ii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.527.933.179	3.899.725.950	9.427.659.129	(iii)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
Thu nhập khác	31	8.984.176.647	(3.509.090.909)	5.475.085.738	(iv)
Chi phí khác	32	4.210.251.511	(3.509.090.909)	701.160.602	(iv)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.280	(13)	1.267	(v)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(85.174.883.453)	290.284.574	(84.884.598.879)	(vi)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	50.233.210.443	(282.370.932)	49.950.839.511	(vi)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.754.061.596	(7.364.568.375)	389.493.221	(vi)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.261.916.217)	7.356.654.733	(905.261.484)	(vi)

- (i) Phân loại lại từ chỉ tiêu Đầu tư ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp năm trước
- (ii) Phân loại lại do trình bày các khoản Tạm ứng; Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược; Tài sản thiếu chờ xử lý đang trình bày trên chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp năm trước
- (iii) Phân loại Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển
- (iv) Bù trừ thu từ thanh lý tài sản cố định và giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý khi lập báo cáo
- (v) Điều chỉnh giảm phần trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 vào lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014
- (vi) Phân loại lại thu khác, chi khác là tiền ký quỹ, ký cược và nhận ký quỹ ký cược sang tăng giảm các khoản phải thu, phải trả

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Hội đồng quản trị Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Hội đồng quản trị Tập đoàn đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Hội đồng quản trị thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Hội đồng quản trị không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các bên liên quan, đơn vị khác vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương	34.147.844.093				34.147.844.093
Phải thu khách hàng	395.424.912.352			9.183.550.504	404.608.462.856
Các khoản cho vay	19.172.723.182				19.172.723.182
Các khoản phải thu khác	12.705.828.556			443.230.725	13.149.059.281
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.710.000.000				2.710.000.000
Cộng	464.161.308.183			9.626.781.229	473.788.089.412
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương	98.149.078.360				98.149.078.360
Phải thu khách hàng	313.228.536.714			9.183.550.504	404.608.462.856
Các khoản cho vay	36.051.389.479				19.172.723.182
Các khoản phải thu khác	14.848.628.486			390.388.849	15.239.017.335
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4.210.000.000				4.210.000.000
Cộng	466.487.633.039			8.092.482.923	474.580.115.962

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	154.406.548.497			154.406.548.497
Vay và nợ	770.034.664.423	99.332.590.118		869.367.254.541
Các khoản phải trả khác	5.333.770.360	6.170.955.700		11.504.726.060
Cộng	929.774.983.280	105.503.545.818		1.035.278.529.098
Số đầu năm				
Phải trả người bán	303.473.624.089			303.473.624.089
Vay và nợ	732.711.860.924	119.540.984.571		852.252.845.495
Các khoản phải trả khác	10.124.435.466	12.122.102.965		22.246.538.431
Cộng	1.046.309.920.479	131.663.087.536		1.177.973.008.015

Hội đồng quản trị Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ. Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.732,35	868,67	289.935,06	877,44
Phải thu khách hàng	1.246.505,84		759.860,04	
Các khoản phải thu khác	33.011,34		309.600,47	
Vay và nợ	(4.152.338,41)		(8.094.026,00)	
Phải trả người bán	(383.357,33)		(6.634.392,19)	
(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(3.198.446,21)	868,67	(13.369.022,62)	877,44

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 1.126.526.639 VND (năm trước giảm/tăng 4.457.692.034 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản cho vay	19.172.723.182		36.051.389.479	
Vay và nợ	(621.291.259.570)	(3.217.857,08)	(536.088.500.879)	(6.993.569,20)
(Nợ phải trả) thuần	(602.118.536.388)	(3.217.857,08)	(500.037.111.400)	(6.993.569,20)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 9.393.049.168 VND (năm trước giảm/tăng 7.800.578.938 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 565.737.889 VND (năm trước giảm/tăng 1.165.948.275 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa		717.244.456

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.147.844.093		98.149.078.360	
Phải thu khách hàng	404.608.462.856		320.930.630.788	
Các khoản cho vay	19.172.723.182		36.051.389.479	
Các khoản phải thu khác	13.149.059.281		15.239.017.335	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.710.000.000		4.210.000.000	
Cộng	473.788.089.412		474.580.115.962	

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	154.406.548.497	303.473.624.089
Vay và nợ	869.367.254.541	852.252.845.495
Các khoản phải trả khác	11.504.726.060	22.246.538.431
Cộng	1.035.278.529.098	1.177.973.008.015

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.